

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^o VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sứ N 73 Richaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng-Quốc
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý : Cung-đình-Bính

Chánh chủ-bút : Phan-chung-Thứ
Sư cụ chùa Bằng-Sở
Phó chủ-bút : Dương-vân-Hiền
Sư cụ chùa Tế-Cát

GIẤY BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

VIỆC PHẬT-HỌC BẮC-KỲ

Kinh chình Bắc-kỳ Phật-giáo hội, chư sơn Thanh-chúng
cùng Liệt-quý giáo-hữu

Tôi xin tổng kết-toán số tiền chi thu trong trường Phật-học của đại hội về năm Đinh-sửu như sau này:

1. Nguyên số tiền năm Bính-Tý (1936) còn lại năm Đinh-sửu (1937) là một trăm chín mươi một đồng hai xu (191\$02) hợp cộng với số tiền thu năm Đinh-sửu (1937) được là một nghìn hai trăm ba mươi hai đồng hai hào tám xu (1232\$28).

2. Chi tiêu hết một nghìn một trăm bốn mươi sáu đồng bốn hào tám xu (1146\$48).

3. Hiện số tiền còn lại năm Mậu-dần này (1938) chỉ còn có là Tám mươi nhăm đồng chín hào (85\$90)

Cúi mong chư sơn thanh-chúng cùng toàn-kỳ giáo-hữu chứng minh cho.

Thay Bắc-Kỳ Phật-giáo Thủ-quỹ

Thư-ký : Sa môn Tổ-Liên

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Bản báo mới nhận được quyền « Tân Quốc - văn » của ông P. Lê-công-Đắc. Sách dày ngót 100 trang, soạn công phu rất tiện cho học trò học quốc ngữ. Vây xin cảm ơn tác giả và giới thiệu cùng quý vị độc-giả Đ. T.

THỜI VỤ BÁO

Bản báo tiếp được thư của ông chủ nhiệm báo Thời-vụ biết rằng đến ngày 8 Février này báo Thời-vụ sẽ ra đời. Báo ra ngày thứ ba và thứ sáu. Báo quán tại N° 16^{bis} Rue des Cuirs Hanoi.

Bản báo xin có lời chúc mừng bạn đồng nghiệp mới và giới thiệu cùng các độc giả.

Đ. T.

Nhiệm-vụ tăng chúng đạo Phật đổi với xã-hội ngày nay

— 3037302 —

Đạo Phật đến ngày nay lại càng là lúc cần-dùng cho xã-hội

Ngày nay là thời đại ngày càng thịnh-hành về chủ-nghĩa xã-hội, là cái chủ-nghĩa giải-phóng triệt-đề cho loài người. Thế mà đạo Phật chính lại là vì cái mục-đích giải-thoát cho hết thấy chúng sinh mà lập nên. Giải-thoát cho chúng sinh được thoát mọi sự khổ-não mà hưởng mọi sự sung-xướng, cái tông-chỉ của chủ-nghĩa từ bi đạo Phật là hoàn toàn ở đó.

Như vậy tông chỉ giải-thoát của đạo Phật với tông-chỉ giải-phóng của chủ-nghĩa xã-hội ngày nay, thực là khác đường mà cũng về một chỗ. Cho nên nói rằng đạo Phật đến ngày nay lại càng là lúc cần dùng cho xã-hội

Sao vậy, vì rằng xã-hội ngày xưa, trí-thức hẹp hòi, sinh-hoạt giản dị, người ta cùng sống với nhau trong cái phạm vi bình-bình thường thường, chẳng có gì là sung-xướng cho lắm, mà cũng chẳng có gì là khổ sở cho lắm. Ngày nay thì không thế, xã-hội ngày nay, trí-thức càng mở mang, sinh-hoạt càng khó-khẽ và càng phải nhu dụng nhiều nên mới diễn thành ra cái cuộc thế giới cạnh tranh. Kể sung-xướng thì sung-xướng quá, kể khổ-khẽ cũng khổ-khẽ vô cùng.

Muốn giải-phóng cái tình-trạng bất bình đẳng ấy cho xã-hội mà chủ-nghĩa xã-hội ra đời. Chủ-nghĩa xã-hội ra đời so mục-đích với chủ-nghĩa Phật-giáo thì lại chính là khác lối mà cùng về một nơi. Cái nơi cứu-vớt cho quần chúng vậy. Coi đó biết học-thuật tu-tướng đều là để đáp ứng với tiếng kêu cứu cứu của xã-hội, của thời-thế phải xuất-hiện ra cả.

Ấy đạo Phật cần-dùng cho xã-hội ngày nay là thế. Đạo Phật đã cần-dùng cho xã-hội, thì những người chủ động trong đạo Phật, há không biết nhận chân lấy cái nhiệm vụ của mình dư.

Những người chủ-động trong đạo Phật, không phải là tăng chúng thì còn là ai.

Tăng chúng đây, ký-giả muốn nói gồm cả tăng ni và những cư-sĩ, nữ cư-sĩ nào đã quyết chí chuyên tâm làm việc Phật pháp.

Tăng chúng đã nhận biết nhiệm vụ của mình đối với xã-hội ngày nay, vậy mỗi một vị tăng cần phải nhận biết nhiệm-vụ ấy là những gì để mà thực-hành cho đúng với mục-đích của bản đạo được có hiện-quả hiển nhiên.

Việt-nam ta đời Lý Trần đề tạo quốc-gia, những tăng ni, cư-sĩ đều làm trọn được cái nhiệm-vụ hoằng-pháp lợi sinh ra thực-tế. Từ Lê về sau, xã-hội tạm yên, người ta đều su về cái tư-tưởng lợi kỷ. Thì trong tăng-đồ đạo Phật cũng không khỏi chịu cái ảnh-hưởng ấy. Người xuất gia chỉ biết cái nhiệm vụ từ cõi chùa trở vào, kể cư-sĩ chỉ nhờ tụng niệm làm cái thú tiêu-khiển và cầu cái phúc mơ-mộng cho mình. Nhưng ngày nay thì không thể được nữa.

Ngày nay tri-thức cao-minh, phạm học thuật tư-tưởng gì có lợi ích cho thực-tế thì người ta mới hoan nghinh mà giữ lại. Còn học-thuật tư-tưởng gì mơ-màng huyền hoặc, không lợi ích cho đời, tất bị người ta ruồng bỏ. Bởi vậy tăng-đồ đạo Phật cần phải thừa nhận lấy cái nhiệm-vụ của mình, lo làm cho thực-hiện lợi ích của bản-đạo ra xã-hội. Nhiệm-vụ ấy tóm làm hai phần như sau này: Một là hết sức tuyên truyền chủ-nghĩa cứu-thế hiện-tại, hai là phải tham-gia vào những sự-nghiệp công-ích xã-hội.

1. -- Thế nào là hết sức tuyên truyền chủ nghĩa cứu thế hiện tại. — Chủ nghĩa cứu-thế hiện tại là cái

đạo cứu vớt cho đời ở ngay hiện-tại này. Đạo cứu-thể như thế cũng như đạo làm thuốc, ông thầy thuốc hay chữa bệnh, phải biết bệnh nhân tuy nhiều bệnh, nhưng bệnh nào là cấp chứng, bệnh nào là hoãn-chứng. Hoãn chứng thì đề chữa sau mà cấp chứng thì phải chữa trước. Nhưng cấp-chứng của xã-hội hiện nay, kể ra thì nhiều, nhưng khẩn-yếu nhất là cái chứng **hay phân biệt giai cấp**. Nào giai cấp sang hèn, nào giai cấp giàu nghèo, nào giai-cấp thân sơ, cái gốc suy đồi và nhiễu-loạn của xã-hội là ở đó. Vậy nhà tuyên-truyền đạo Phật phải đem **bài thuốc bình-dẳng** của Phật mà chữa cái cấp chứng ấy. Nghĩa là đến đâu lúc nào cũng đem chủ nghĩa bình-dẳng của Phật mà diễn giảng, nói bàn, cho người ta biết coi nhau hết thấy là bình-dẳng, người ta đã biết coi nhau hết thấy là bình-dẳng, tất người ta sẽ biết thương nhau yêu nhau mà không đê nên bóc lột nhau nữa.

Thứ nữa, đem **bài thuốc lòng không nhân ngã** mà điều trị theo Nghĩa là phải diễn giảng, nói bàn, cho người ta biết rằng đã **hết thấy là bình-dẳng** thì xã-hội yên hay nguy, lợi hay hại, là cùng chung với nhau cả. Còn có gì là của ta, của người mà phân biệt. Như thế tất người ta sẽ biết đem mình ra mà mưu lợi ích cho quần chúng.

Lại thứ nữa, đem những phương diệu-dược khác nữa mà bổ cứu vào. Như thế nào là **tứ ân**, thế nào là **lẽ lục phương**, thế nào là **lục độ**, thế nào là **đại-bi đại-nguyện**, đều diễn giảng bàn nói đến luôn luôn. Nói đi nói lại, phản-phức tuần hoàn, không sợ là nhàm là chán Vì thuốc bổ có uống nhiều và uống lâu mới có công hiệu. Đạo hay có giảng giải bàn luận mãi mới thấm thía vào lòng người.

Rồi lại đem những thuyết **nhân nghĩa**, cách trí tu tề của đạo Khổng, những thuyết xã-hội học của các hiền-triết Tây-phương, mà chứng minh điềm điềm

thêm vào cho đạo Phật càng hiện thực. Kinh Pháp hoa nói: « Phàm những kinh sách thế gian, như thuyết trị-thể mà không trái với chính pháp thì nên giảng thuyết » là thế

2. — Thế nào là tham gia vào những việc công ích xã hội? — Lâu nay người ta cứ tưởng làm từ thiện được bài cúng có hồn, thông được mấy lễ cúng độ-vong và thường làm những lễ ấy là đủ nhập vụ hoàng pháp lợi sinh của một nhà hành đạo theo Phật pháp đó. Không biết rằng những cách cúng đó là cách bầy đặt để diễn cái tượng giáo-hóa đó cho Chính nghĩa lợi sinh là làm lợi cho cuộc sinh sôi đời người mới đúng. Truyện Thị-Kính có câu:

« Cá trong chậu nước sớm sơm,

Khi nay chẳng cứu còn chờ khi nào ».

Câu ấy thực phát-mình cho cái nghĩa lợi-sinh trong đạo Phật. Lợi sinh là ích lợi cho chúng sinh hiện sống chứ nếu đối với hiện trạng nguy khốn của chúng sinh đang sống thì bỏ không lo giải thoát, mà chỉ cầu giải thoát cho sự chết ở chốn mơ màng, thì còn gì hơn nữa. Vậy phàm nhà hành đạo trong đạo Phật, ở đâu phải đem chính thân mình tham gia vào những việc công ích của xã hội ở đó. Như ở chỗ ấy đường xá hiểm trở, làm lợi, đi lại không tiện, thì phải đứng lên mà hô-hào khuyến-hóa để sửa đắp đường lối cho quần-chúng khỏi cái khổ về giao thông gian hiểm. Ở chỗ ấy trẻ con đông mà không được học hành mình phải đứng lên hô-hào khuyến hóa để mở trường học thế gian cho quần chúng thoát cái khổ về đói nát. Ở đây nhân dân đông đúc mà sinh nhoeo hẹp, mình phải đứng lên hô hào khuyến hóa lập chế độ công nghiệp cho quần chúng đỡ cái khổ về đói rách. Tìm phương trực tiếp gián-tiếp khuyến khích cho các hương hội cải cách phoong tục cho người ta, miễn

trng tục lệ bỏ buộc, đóng góp quá nặng nề. Tóm lại mình phải liên kết với quần chúng mà gây dựng vì sự lợi ích, trừ bỏ mọi sự tai hại cho xã hội, nhất là cái xã hội ở địa-phương mình ấy ở hiện thời

Nay có hội Phật giáo, chỉ hội ngóy một mở nhiều, cái thể lan ra khắp cõi nước. Hội viên trong hội đủ các giới nhân vật và đều muốn giữ vững cho đạo Phật trong lòng, xã-hội hưng thịnh. Thực là cái cốt vững vững cho tăng chúng dựa, cái đất rộng rãi cho tăng-úng đứng, để mà thực hành lấy nhiệm vụ của mình. Việc là một cơ duyên rất tốt cho tăng-chúng trong đạo Phật đối với xã hội Việt-nam ta từ xưa chưa từng có

Trên một báo chương, người ta thường hỏi các hội viên hưng Phật giáo định gây lại cái thể lực cho tăng-úng mà làm gì? Người ta hỏi thế là thấy ở cái hình thức của tăng chúng giữa tại mà không biết lời chỗ nhiệm-vụ chân-chính của tăng chúng khi xưa.

Vậy sau đây, tăng chúng làm đây đủ được nhiệm-vụ của mình trong đạo Phật đối với xã hội, tức là tăng-úng giả lời thay cho các hội Phật-giáo câu hỏi ấy. Phong trào su-hướng của xã hội ngày nay, mục đích cứu tế thực hiện của đạo Phật từ xưa như trên bài đã nói. Đề cho đời người tư-sùng mộ hay là cho đời người ta hắt hiu, đều do ở chỗ tăng chúng biết nhận chân lấy nhiệm-vụ của mình một cách thật thực hay không.

D. N. T.

CÙNG MỘT VỊ ĐỘC-GIẢ CHẤT-VĂN VỀ VIỆC BÀI TRỪ VÀNG MÃ

« Kính thưa Quý-sanh Đuốc-tuệ, tục cúng đốt vàng mã di truyền ở nước ta hiện đã lâu đời, trong tăng giới

ngoài Tia-đồ đều thịnh hành cả, tôi thấy nhiều khi trai đàn phá ngục, hay Kỳ an, xin âm dương hai ba đài không được, vị xâm-chủ dậy bỏ thêm vào một vài bó vàng nữa là âm dương được ngay, thế có phải một triệu chứng qui thần vẫn cầu vàng mã không? Nếu quả vàng mã là mê tín dị đoan thì sao từ trước lời này trong các chùa Tăng nọ đều dùng cả, Phật pháp thịnh nhất như đời Lý đời Trần mà cũng chưa thấy chỗ nào nói cấm đốt vàng mã? Và chẳng hiểu nay trong sử ta từ thành thị xấp tới thôn quê biết bao gia-đình sinh hoạt về nghề vàng mã « Phú qui sinh lễ nghĩa » Người nghèo làm vàng mã bán cho người giàu mua cúng đốt đi. Đồng tiền trong dân gian nhờ thế mà được san sẻ, nay Quý san cổ động bài trừ sự vàng mã, khiến cho lòng tin-nguỡng của quần chúng phân vân, mà đưa đất biết bao gia đình vào cảnh chơ vơ thất nghiệp! Vậy mong rằng Quý Ngài chủ trương thuyết bài trừ vàng mã, biện nghị lên Đuốc-tuệ cho tôi và mọi người thiện kiến như tôi biết đường xử hướng? »

Vũ-trọng Kiêm

Hàn Nam (làm nghề vàng mã)

..

Kính cùng ông Vũ-trọng-Kiểm : Quý hóa thay! Lợi ích thay, câu hỏi khế-lý hợp cơ của ông, nó có thể phá tan được đám mây mờ từ xưa tới nay nó vẫn bao phủ ở trong chân-tâm mọi người lễ bái. Xin thanh minh cùng ông rằng: trong tam tạng 12 bộ kinh Phật thuyết, không chỗ nào nói đến sự cúng đốt vàng mã cả, nay các chùa mà có sự vàng mã là do thần giáo tà đạo phụ nhập vào, sự đó trước mới phụ nhập vào thời còn ít, dần dần do cái tập quán mê tín của quốc-dân một sương trăm họa nên càng lan rộng mãi ra, thành cái phong trào vàng mã không ai ngăn cản được, bắt đầu ta thu ảnh hưởng tà đạo của Tàu, thu di họa ở Tàu truyền sang.

Xong nay hầu khắp nước Tàu cũng đã bãi trừ gần hết rồi, có chăng chỉ còn số ít người còn mê tín thôi, còn ông nói trong các chùa Tăng ni từ trước tới nay vẫn dùng vàng mã? - Chùa cũng có nhiều nơi tùy theo thuyết giả phương tiện linh nhập chính đạo (假方便令入正道). Nghĩa là mượn phép phương tiện đưa người vào đường chính, thấy cơ chúng sinh còn thấp kém chưa thoát khỏi chính tín tâm, thời còn phương-tiện dụ dẫn. Nhưng người sau không hiểu thấu cơ duyên phương tiện, cũng như nhận hóa thành làm thật có, sinh lòng cố chấp mà bị hại. Còn cầu xin âm-dương không được, bỏ vàng vào thời được, xin âm dương cũng là phép phương-tiện an ủy thành tâm cho người, cầm hai đồng tiền mà đeo đi đeo lại mãi không bỏ vàng cũng có keo đồng sắp đồng ngựa, nói đến xin âm-dương tôi xin hiến ông câu truyện một nhà đại chính trị nước ta đời xưa giả thần quyền chấn áp nhân tâm sau này: Đời Trần giặc Nguyên sang chinh phục nước ta mạnh quá, mấy trận đầu quân ta thua hoài, nhân dân binh tốt đều khiếp sợ cả, bấy giờ đức Trần-hưng-Đạo cầm quân, ngài xem cơ quốc-dân xu hướng về Thần-quyền, ngài mới lợi dụng ngay thuyết âm-dương để cổ vũ lòng dân. Ngài chiêu tập quốc-dân đại hội-ngự, giữa công chúng ngài tuyên bố rằng: nay quân ta mà địch với quân Nguyên cũng như trứng trội với đá, chỉ còn nhờ ở lòng giới ủng hộ nữa thôi, nay xin thiết lập đàn tràng tế các thiên địa thần kỳ xin đủ 100 dài âm-dương, cùng một đồng sắp một đồng ngựa cả thời ta sẽ chống cự với quân Nguyên, nếu có một hai dài mà không được thời ta xin hàng để tránh sự sinh linh đồ thân, khắp quốc-dân đều hoan nghinh, đến khi ngài ra giữa trại đàn mạnh bái xin âm-dương dài thứ nhất loa dịch âm-dương một đồng sắp một đồng ngựa, cho chỉ đến dài thứ một trăm đều thế cả, ai ai cũng tin là có Phật giới gia hộ hết sức dũng mãnh xông pha liều chết không sợ, nhờ thế mà quân ta mới thắng được quân Nguyên, song kỳ thực thời ngài sai đúc hai đồng tiền, một đồng hai mặt

cùng sắp, một đồng hai mặt cùng ngửa, như thế thời xin đủ nghĩa năm âm dương cũng vẫn được, huống chi là 100 đái, song không như đó mà nữa chừng quân dân nản lòng khiếp sợ thời làm sao quân tá thắng được. Đời Lý đời Trần Phật pháp thịnh hành, trong sách vở không thấy nói đến bài trừ vàng mã cả, thời quyết nhiên là những đời ấy vàng mã cũng chưa thịnh hành như bây giờ. Cứ xem những chỗ tập luận tu trì của những vị cao-lăng thực đức đời ấy, các ngài đều chủ trương về thuyết nhân-gian Phật giáo cả, bởi thế mà nhờ Phật-bóa nước giàu dân mạnh. Ông lại lo xa rằng rồi đây các nhà sinh nhai về nghề vàng mã sẽ bị thất nghiệp sự đó không lo, trong dân gian còn dùng nhiều thời nghề ấy ngày càng lan rộng mãi ra. Nay nếu bỏ bỏ đi thì sợ nhiều người khổn đốn về nghề làm mã. Vậy tôi xin ông không nên lo xa, công nghệ nước ta còn thiếu thốn nhiều lắm, ông thử coi ngay nguyên liệu làm đồ mã, nào giấy, trang kim, minh kính v. v. các ông đã chế được chưa? nếu các ông có thể hợp tác với nhau chế ra giấy được, các nhà in ở Đông-dương sẽ mua của các ông trước, mỗi lợi ấy mỗi năm có mấy trăm triệu chứ không phải ít, nếu các ông đã làm đồ giấy quen mà các ông làm ra giấy, ngay chúng tôi cũng phải kính trọng và còn dùng để in kinh sách lưu bá, xin ông chớ lo, xin ông nghĩ kỹ. Không thì họ tư sinh nhai về nghề khác, cũng như trước đây biết bao gia đình sống về nghề nấu rượu lộn, mà nay nhà đơan ngăn cấm đi thời những gia đình ấy cũng không vì thế mà nheo nhóc. Vả chẳng trong các vật liệu làm vàng mã trong mười thứ thời tôi hãy thử phải dùng của ngoại-quốc, thế có phải đồng tiền vẫn lọt ra ngoài nhiều kuông? Trên tôi đã nói mượn phép phương tiện để dắt người vào con đường chính tín, hiện nay Phật giáo đồ trong nước ta bề trong thời nhờ có các hội Phật-giáo toàn quốc hô hào chỉ mê qui tín (情迷歸信), bề ngoài thời nhờ cái hạt giống khoa-học thực nghiệm truyền vào, quốc dân đã nhiều người tỉnh ngộ, nên chúng tôi mới dám

quá quyết hô hào, chúng tôi lại mong sao các vị Tăng ni có nhiệt thành, có quá cảm với Tôn-giáo, với quốc dân, ra công gắng giải cho tín-dồ nghe, rồi bắt đầu tiết lễ Thượng nguyên này, nhất luật không dùng vàng mã nữa. Nghĩa là sự công lễ do ở thành tâm và hương ngát hoa thơm, chứ không phải qui ở sự hồ thiu nửa thối.

Vài nhời thô thiển, xin ông bình tâm động tất.

THÁI-HÒA

VIỆT-NAM THIỀN-TÔNG THỂ-HỆ

(tiếp theo)

Đời thứ mười bốn. — 1. Tức-lự 息慮 Thiền-sư

(có năm vị mà khuyết-lục mất ba vị)

Tức-lự Thiền-sư cũng gọi là Tĩnh lự Thiền sư, Người trụ trì ở chùa Thông thánh, làng Chu ninh, Thiên phúc. Vợ quê Người ở Chu-ninh,, từ thủa đồng niên, Người đã học thông các sách thế đế. Bỗng một ngày kia Người bỏ học đi theo Thông-thiền Cư-sĩ để học đạo Phật, rồi hiểu biết được thâm diệu. Nhân trong một khóa hạ được một ngày nghỉ, Người cầm bẫy bắt được một con chim, đem biểu Thông-thiền Cư-sĩ.

Thông-thiền kinh sợ nói rằng :

— Ông đã là một người tăng mà còn phạm vào điều sát sinh như thế, sau sẽ bị quả báo thì làm thế nào?

Tức lự nói :

— Chính trong khi ấy, tôi không thấy có con vật này cũng không thấy có thân tôi là tên Mỗ và cũng không biết có cái quả báo sát sinh, vì thế tôi làm như vậy.

Thông thiền Cư-sĩ biết Người là pháp khí, bèn cho vào hầu gần làm đệ tử mà mật dạy cho rằng :

— Ông đã có được chỗ làm địa ấy thì dù ông có phạm tới những tội ngũ-nghịch 五逆 thất già 七逆 cũng được thành Phật.

Bây giờ có một vị tăng đứng bên nghe trộm biết chuyện liền kêu to lên rằng :

— Khô quá ! Nếu mà có như thế được thì tôi cũng không phục.

Thông-thiền Cư-sĩ quát to lên rằng :

— Giặc ! Giặc ! Sao lại thóc mách việc người ta như thế.

Tức-lự nghe câu ấy liền giác ngộ. Sau Người trở về lại ở một ngôi chùa về hạt bắc, giảng tìm tông-chỉ của đạo để dạy học trò. Ưng-Thuận Cư-sĩ tức là con pháp tự của Người.

2 - Hiện-quang 現光 Thiên-sư

Hiện-quang Thiên-sư trụ-trì ở chùa Yên tử, vốn quê ở kinh thành, nhà họ Lê, tục danh là Thuần. Tiếng nói mềm-mại mà dong mạo đẹp đẽ. Bỏ cõi từ thừa còn nhỏ, trải bao gian khổ. Năm lên 14 tuổi gặp Thường triểu Thiên sư ở chùa Lục tổ, bèn xin theo hầu.

Thường triểu Thiên sư độ cho Người làm đệ tử, Người học thông thái lắm., mỗi ngày học thuộc vạn câu, không đến 10 năm quán-thông cả ba khoa học là Nho, Đạo, Thích. Nhưng chỗ tông chỉ trong Thiên-môn, Người chưa kịp suy cứu đến thì Thường-triều Thiên-sư đã viên tịch rồi.

Sau Hiện-quang Thiên-sư mỗi khi luận bàn về nghĩa tâm-yếu thường bị người ta bẻ thua, Người tự răn mình rằng :

— Ta nay ví như một đũa con nhà đại-phú, khi cha mẹ còn thì kiêu ngạo lười biếng vô độ. Đến lúc cha mẹ chết, cõi cút mê man, không biết những đồ chân bảo của nhà mình còn để ở đâu, thành ra phải chịu cùng khổ.

Từ đó Người đi rạo chơi khắp mọi chốn tùng-lâm để tìm học tâm-pháp. Gặp được Ngài Tri-thông, nghe một

câu nói mà hiểu biết chỗ chân bản, bèn xin thờ Ngài Tri-thông làm thầy. Về sau vì Hiện-quang Thiền sư nhận đồ tin thí của Hoa-dương công-chúa, bị đời rèm pha rằm rĩ, Người nghe biết chuyện ấy bèn tự nói rằng :

— Phàm những kẻ đã uốn mình theo thói đời thì không thể tránh khỏi cái tiếng rèm pha như nước đục. Bờ-tát có nhiều đường tu mà pháp Phật rộng không biết đâu mà lường. Thì ta đây há chịu ép một bề hay sao ? Thấy con đường kia có thể đi rẽ nam rẽ bắc đều được mà kẻ sĩ thủ trung phải động lòng sa lệ. Vậy nếu ta không sớm nghĩ, lấy nhữn nhục làm đồ giáp trụ, lấy tinh tiểu làm đồ can qua, thì sao phá tan được đám ma-quân, phá tan được thành phiến não mà lên tới cõi bồ-đề.

Nói rồi Hiện-quang Thiền-sư liền đi thẳng vào núi Uyên-chừng phủ Nghệ xin tham học Pháp-giới Thiền-sư. Một ngày kia Hiện-quang thấy người Thụ-giả bung thúng gạo vào cúng, Người lỡ tay đánh vãi gạo ra đất, y vội vàng hót cả gạo với bùn bỏ vào thúng. Hiện-quang tự hỏi rằng :

— Ta sống đã không làm được sự gì có ích cho người ta mà chỉ để cho người ta phải cung đốn, đến nỗi người ta phải vất-vả thế này. Ta sao đành gạ.

Hiện-quang Thiền sư từ bấy không ăn cơm gạo mà chỉ ăn quả cây và chỉ mặc áo lá mà thôi. Như thế hơn 10 năm, Người định sửa một nơi biệt tịch để ở cho trọn tuổi già, bèn vào núi Tứ-sơn rùm một mái lều ở lại đấy. Mỗi khi đi chơi trong rừng, lấy gậy quây một cái dây vải, tói đầu nằm ngời vào cái dây ấy. Những loài thú rừng thấy Hiện-quang đi tới, chúng đều thuận phục cả.

Vua Huệ tông nhà Lý rất lấy làm khâm mộ cái cao phong của Hiện quang, cho mang lễ vật đến đón mấy lần, Người đều lánh mặt mà cho Thụ-giả giả lời Sư-giả nhà vua rằng :

- Bần-đạo tôi sinh ở đất nhà vua, ấu lộc của nhà vua tu đạo Phật ở trong rừng núi này đã lâu năm, mà chưa làm được công đức gì, Bần-đạo rất lấy làm hổ thẹn. Nếu nay Bần-đạo ra yết kiến Đức vua, không những không bổ ích gì cho trị đạo mà lại thêm cho người đời mỉa mai. Phương chi đương nay, Phật pháp đang thịnh, những bậc tài đức giỏi giang trong tầng giới đều đã tụ tập cả ở nơi cung cấm, làm trang nghiêm chốn diệu các rồi. Vậy còn một kẻ quê mùa nghèo đói ở trong só rừng này, có làm gì mà Đức vua ngài phải ân cần đèn như thế.

Từ khi ấy, Hiện quang Thiền sư quyết không xuống núi nữa. Có vị tăng hỏi người rằng :

- Hòa thượng ở trong núi để làm gì ?

Thiền sư liền đọc lên rằng :

那以許由德 Ná dĩ hứ do đức,
何知世幾春 Hà tri thế kỷ xuân.
無爲居曠野 Vô vi cư khoáng dã,
逍遙自在人 Tiêu giao tự tại nhân.

Dịch :

*Vì chưng mẫn đức Hứ-Do,
Quên đời quên cả xuân-lưu đổi đời.
Tiêu dao tự tại mà chơi,
Vô vi yên ở cái nơi suối rừng.*

Năm kiến gia thứ 14 nhà Lý, Tân tị, mùa xuân, khi Hiện quang xấp thị lịch, Người ngồi ngay ở trên hòn đá, đọc bài kệ rằng :

幻法皆是幻 Huyền pháp giai thị huyền,
幻修皆是幻 Huyền tu giai thị huyền.
二幻皆不即 Nhị huyền giai bất tức,
卽是除諸幻 Tức thị trừ chư huyền.

Dịch :

Pháp đều là huyền pháp,

Tu đều là huyền tu.

Biết hai cái đều huyền,

Thi hiểu hết lý-do.

Nói xong Người ngồi yên trên hòn đá mà hóa. Học trò là Đạo viên xăm đủ lễ nghi táng Người ở trong hang núi.

Đời thứ mười lăm (có bảy vị mà chép sót mất sáu)

Ứng-thuận 應順 CƯ SĨ

Ứng-thuận Cư-sĩ quê ở phương Chợ vè (Họa-thị), kinh thành Thăng-long. Người về nhà họ Đỗ húy là Văn, (tính rất khoáng đạt, không bo bo về cuộc đời. Bắt đầu Người làm quan ở triều Triệu-lăng 昭陵 đến bậc Trung phẩm. Khi việc công xong lại róc chi nghiên cứu về Phật học, tay không rời quyển kinh ra lúc nào. Sau thấu hiểu cả thâm-ý Phật Tổ và cội gốc tâm ấn. Làm một bậc đại đệ-tử ở tràng học của Túc-lục Thiên-sư Cũng nhờ có Người imà học phong của phái Thiên tông nước ta bấy giờ không những không bị ngưng-trệ mà đạo nghĩa lại càng thêm cao minh. Những người được Ứng-thuận Cư-sĩ truyền tâm ấn cho, đều làm nên những người tai mắt trong tông lâm cả. Tức như Nhất tông Quốc-sư 一宗國師, Tiêu dao Thiên sư 逍遙禪師, Giới-minh Thiên sư 戒明禪師, Giới viên Thiên-sư 戒園禪師, v. v.

D. N. T.

Cùng thuyên cùng hội

TÌNH KHỬ LƯU

Ông Hà-dinh Tuyên, tham tá địa-chính Ninh-binh, chánh đại biểu chi hội Phật-giáo chùa Sơn-thủy, có nghị định

Trước khi ông đăng trình, hội viên chúng tôi xin thành thực dâng ông chữ danh dự cố vấn, xin ông vui lòng chứng nhận. Một chèn thưյễn trả, mấy lời trân trọng, kính chúc ông và quý quyến thượng lộ vinh an ».

Dứt lời, ông Hà-dình-Tuyên đứng lên đáp lại mấy câu rất là cảm động. Ông vui lòng nhận chức cố-vấn, và hứa sẽ về thăm chi hội luôn luôn.

Đoạn hai ông phó đại biểu Hà duy Chấp (Lãnh binh hưu tri) và Vũ tự Tiếp (Giáo học trường lính) mời ông Chánh đại biểu cùng các giáo hữu ra trước cửa chùa chụp bức ảnh làm kỷ niệm Tiệc tan lúc 2 giờ chiều.

PHẬT - HỌC VÂN - ĐÁP

(tiếp theo)

Hỏi : Xin cắt nghĩa thập-nhị nhân-duyên và tứ-thánh-dễ.

— Nhân là cái nhân, duyên là cái giẫy. Luân hồi sinh tử, bởi 12 nhân duyên : Vô minh (無明), hành (行), thức (識), danh sắc (名色), lục nhập (六入), xúc (觸), thụ (受), ái (愛), thủ (取), hữu (有), sinh (生), lão, tử (老死).

1.) Vô-minh là bởi chân-linh bị mờ ám. 2.) Hành là hành động tạo tác : tạo nghiệp thiện hay nghiệp ác. 3.) Khi lâm chung, cái nghiệp đã tạo ấy, kết tập trong thức-tâm để làm cái nguyên nhân tái sinh. 4.) Trước khi tái-sinh, thì cái thức-tâm (linh hồn) cùng với ái tình và tình huyết của cha mẹ hợp lại thành cái bào thai. Trong cái bào thai ấy có địa (đất), thủy (nước), hỏa (lửa) và phong (gió) là phần vật chất, và thụ (chịu lấy các vật ở ngoài), tưởng (tưởng tượng), hành (hành động), thức (thức tâm) là phần tinh thần. Gồm cả phần tinh thần và phần vật-chất, gọi là danh-sắc. 5.) Nhờ cái sự danh sắc xiển-chuyển, mới biết được bình sắc (sắc), tiếng lấm (thanh),

mùi ngửi (hương), thức ăn (vi), cảm xúc sự sướng sự khổ (súc) và biểu mọi sự vật (pháp), gồm lại là lục trần (六塵), mà các đồ dùng để hấp thụ là : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý thì gọi là lục căn (六根), hay là lục nhập. 6.) Sau khi lục căn đã thành thực, mới ở trong thai ra, bắt đầu xúc phạm với các sự vật ở ngoài, gọi là súc. 7.) Khi súc phạm thì cảm thụ sự sướng hay sự khổ gọi là thụ. 8.) Khi cảm thụ, không biết những sự sướng khổ ấy đều là giả giới, sinh lòng yêu ghét : ghét sự khổ mà yêu sự sướng, gọi là ái. Sự ghét thì muốn tẩy trừ mà sự yêu thì muốn tham lấy gọi là thủ. 10.) Vì muốn tẩy trừ sự khổ và tham lấy sự sướng, thành ra làm lung công kia việc nọ, mà tạo cái nghiệp sở hữu, gọi là hữu. 11.) Đã có nghiệp thì lại tái sinh để chịu sự báo ứng. 12.) Đã sinh thì rồi lại lão, tử.

Khi tử thì cái nghiệp kết tập trong thức-tâm mà lại luân hồi như trước.

Như thế thì vô-minh, hành là 2 nhân-duyên quá khứ ; thức, danh-sắc, lục-nhập, súc, thụ, ái, thủ, hữu là 8 nhân-duyên hiện-tại ; sinh, lão, tử là 2 nhân-duyên vị-lai.

Nếu Phật-tính đã hoàn nguyên, bất sinh, bất diệt, dứt được duyên tử, thì không có duyên sinh, và lần lượt cho đến hữu, thủ....vô-minh đều dứt hết, không còn luân-hồi chuyển kiếp, tức là thành Phật.

Tứ-thánh-đế là 4 điều phải xem xét cho kỹ càng, cũng cái lý thuyết như thập-nhị nhân-duyên. Bốn điều ấy là : Khổ-đế (苦諦), tập-đế (集諦), diệt-đế (滅諦) và đạo-đế (道諦).

a) Khổ-đế. — Chúng-sinh sống chết, như trong giấc mộng : Cái thân là cái gốc mọi sự khổ : đói khát, rét nực giận dữ, sợ hãi, lo thương, già chết, không lúc nào yên. Xét kỹ như thế, gọi là khổ-đế.

b) Tập-đế. -- Xét kỹ cái thân này đều do cái khổ-báo vô lượng kiếp trước mà sinh ra, rồi lại gây cái nghiệp về kiếp sau mãi mãi, gọi là tập-đế.

c) Diệt-đế -- Không làm việc ác, không tạo nghiệp ác, chúng quả Niết-bàn, tiêu trừ hết thảy mọi sự phiền não, gọi là diệt-đế.

d) Đạo-đế. -- Muốn diệt khổ thì phải theo bát chính-đạo (正道), tức là 8 con đường ngay :

1) Chính-kiến (正見) là hiểu được biết được tướng lậu những lẽ ngay thẳng của sự vật.

2) Chính-tư-duy (正思惟) là ý-nguyện hay chí hướng phải trung-chính.

3) Chính-ngữ (正語) là lời nói phải ngay thẳng không được gian dối, bực ác và điều trác.

4) Chính-nghiệp (正業) là công việc làm phải chính đáng, vừa ích lợi cho ta, vừa ích lợi cho quần-chúng.

5) Chính-mệnh (正命) là cách sinh nhai phải cho chính đáng, những việc gian dâm, đạo kiếp v.v không khi nào làm.

6) Chính-tinh-tiến (正精進) là cố gắng noi theo lên bậc chính-kiến để mong đắc đạo.

7) Chính-niệm (正念) là suy xét luôn những công việc mình làm cho chính đáng, nếu việc không chính đáng thì suy đi tính lại kỹ càng mà dừng làm.

8) Chính-định (正定) là đem hết cả tâm trí mà trú trọng vào những sự ngay thẳng chính đáng, như khi tọa định mà chú ý vào đức hạnh, hình tượng của một vị Phật vậy.

Tu chứng được Tứ-thánh-đế là bậc A-la-hán ; tu chứng được thập-nhi nhân duyên là bậc Tích-chi Phật ; tu chứng được 2 pháp ấy mà giác-ngộ chúng sinh, công đức khá to, là bậc Bồ-át, và công đức đầy đủ thì thành Phật.

Phượng-sơn : Nguyễn-thiện-Chính

CẢI CHÍNH

Đuốc-Tuệ số 78 trang 12 chữ 形識 xin sửa lại
形式, vì thợ in sắp lộn. D. T.

« PHƯƠNG PHÁP THOÁT KHỔ »

(Bài giảng tại chi hội Phật - giáo chùa Thiên - phước
hạt Thượng mỗ Hà đông)

Khắp mọi phương ba đời chư Phật, chỉ vì tâm lòng thương xót chúng sinh bị chìm đắm trong bể khổ, đã bao nhiêu đời kiếp đến nay, không hề được lúc nào ngơi, nên mới phải ra tay tìm phương cứu vớt, chúng sinh có nhiều nỗi khổ nên Phật lại phải đặt ra nhiều phép cứu, song trăm nghìn muôn phép, cho chỉ vô lượng pháp môn, phép nào cũng là phép cứu khổ cả. Nếu chúng sinh quả không có khổ thì chư Phật còn thuyết pháp làm chi. Thế nào là khổ? Nói ngay thân người ta đây, bất luận là giàu, nghèo, sang, hèn, già, trẻ, gái, trai, phạm đã có thân đều là khổ cả, có của khổ về của, xem như về tháng củ mật này, các kẻ gian phi lại càng để ý đĩnh mỏ các nhà giàu lắm, họ để ý bao nhiêu thì các nhà giàu lại càng phải lo giữ bấy nhiêu, chắc các ngài cũng đã biết xưa nay có bao nhiêu người khổ về của rồi. Nói đến sang thì ai cũng thích, song nếu chỉ có cái danh mà không có thật, tiếng cả nhà thanh, lâm lúc muốn tiêu một đồng không có, thì chưa chắc đã là sướng! Cũng có người giàu sang mà con cái không có, hoặc có mà cứng đầu cứng cổ, bất hiếu bất mục, làm hại gia đình, làm nhục nói giống, thì con làm cháu nhiều chưa đủ phải hoàn toàn là vui sướng. hay đương nửa đời nửa đoạn, con chết trước cha mẹ, hoặc làm sự gì phạm đến pháp luật, làm cho cha mẹ khổ sở, nên đã có nhiều cụ già phàn nàn rằng đa thọ đắc đa nhục, nghĩa là sống lâu khổ nhục nhiều, thù chết đi cho rồi, song cầu chết nào có được, cứ phải sống vất vơ vất vưởng để trông con bất hiếu, chịu khổ đau thương lại còn khổ về nghèo cùng, đói khát, rách rưới, khổ về lật địch, ốm đau, khổ về chồng nam vợ bắc, anh đóng em tây, khổ về tụ hội với kẻ oán thù, khổ về sự không muốn mà phải chịu, khổ về

mong cầu mà không được, khổ về thiên tai lụt lội đại hạn, cũng là đạo lạc, khổ về bị người áp chế ức hiếp bóc lột, khổ về sự tham lam cầu lợi ngu si, nói tóm lại phạm điều gì hễ mệnh không thích không vờ ỷ mà phải chịu đều là khổ cả, lại còn khổ về sự giàu sự chết lại càng khổ lắm, mà những sự khổ ấy có lẽ khắp thế giới khó có người tránh khỏi, khó thoát! ít lắm! nay muốn tránh khổ phải làm thế nào, trước hết phải xuy xét xem những sự khổ nó ở đâu ra, ai gây nên, hay giới bất lợi, hay tự mình làm ra, nếu bảo đời cha ăn mặc đời con khát nước thì sao có nhiều người cha mẹ hiền lành giàu có mà con trở lại biếng xãng bậy, đến nỗi tiêu hết của phải đi ăn xin, có người cha mẹ nghèo lúng khổ sở mà con biết nghĩ ăn rịn để rành trở lên giàu có, nếu bảo giới bất lợi thì đạo giới chỉ công không hề thiên vị người nào lom sao ở đời có người ăn không hết, kẻ lẩn không ra, có kẻ tàng tạt đui mù, có người đẹp đẽ lành mạnh, vậy nếu giới đã có quyền sinh ra sao không cho sung sướng tốt đẹp cả mà lại làm cho mỗi người một khổ một, mỗi người một cảnh khác nhau một trời một vực.

Xét thế thì biết rõ rằng : 7ội cũng ở mình tạo ra, phúc cũng ở mình làm nên, nếu mình làm ác thì quyết không bao giờ được phúc, mà mình làm thiện thế nào cũng được hưởng phúc, chẳng chóng thì chậm chứ không hề sai một ly nào, nên cô nhân nói thiện ác bao ứng, như bóng theo hình, như vang hợp với tiếng không sai một chút, nói ngay đời hiện tại đây nếu mình giết người lấy của hoặc lừa đảo dối giá, phạm vào pháp luật là bị tù tội ngay lập tức, mà làm được nhiều việc phúc thiện cứu dân độ thế thì ai nấy đều ca tụng công đức ngay. Vậy những sự tội phúc đó phát linh ở đâu mà ra, tức là ở ngay trong tâm mà ra, như mắt trông thấy vàng lòng nghĩ muốn lấy lại nghe thấy nói nếu lấy thì bị tù, lòng lại

sợ không dám lấy nữa như nghe thấy nói có đũa tre con rơi xuống nước lòng nghĩ muốn đi cứu ngay, vậy nếu muốn đời này đời sau được hưởng phúc báo thì từ nay cần phải bỏ hết lòng tự lợi, bỏ hết tình tâm ác, như là giết hại sinh mạng, trộm cắp tham lam lừa đảo là dám đán dối rượu chè cờ bạc, nghiện hút, kiện tụng xa xỉ v. v. nói tóm lại phạm những sự gì mà mình không muốn bắt mình phải chịu, và sự có hại cho gia đình cho xã-hội, đều không nên làm, và lại hại ngay thân mình, hết thấy đều phải lánh xa, lánh xa các sự đó tức là lánh xa các sự khổ, vì các sự đó nó làm cho loài người đã khổ lại phải khổ thêm, cũng vì như con tâm tự mình nhũ tơ ra, rồi lại ràng buộc mình dè cho người đời nung nấu, đời đời kiếp kiếp cứ phải chịu khổ như thế mãi, như bánh xe quay không lúc nào ngơi, vì thế ma chur Phật phải dạy cho biết pháp thoát khổ, như là khổ về ngu si, dạy cho tri tuệ, khổ về căm tức dạy cho nhân nhục, khổ về tham lam bủn xỉn, dạy cho hoan hỉ bố-thí, khổ về lòng kiêu ngạo ngông cuồng, dạy cho hiền mẫn tinh tiến, khổ về kiêu ngạo ngông cuồng, dạy cho hiền nghĩa vô ngã, (mình là giả dối không có chi là thật) khổ về giai cấp áp chế dạy cho từ bi bình đẳng, nói tóm lại Phật cũng vì như ông thầy thuốc rất giỏi, cứ lùỵ theo bệnh căn của người ốm mà cho thuốc, người không có lòng tin theo thì thời còn người nào đóc một lòng tóng một đạo, nghe rồi như lấy mà làm đúng lời thầy dạy thì không có bệnh gì là không khỏi, theo đúng như giáo-lý của Phật mà tu hành thì không có sự khổ gì là không thoát.

Vậy nay chúng ta đã là người tin theo đạo Phật, là một đạo chân chính cao siêu lột bạc, nghĩa lý rất uyên thâm huyền diệu, bao hàm đủ hết cả mọi phép ở thế-gian và các phép dạy ra ngoài cõi thế - gian (tu hành thành Phật) song chỉ tiếc rằng ở xứ ta gần đây, ít người để ý xuy xét, nên ánh sáng lợi ích cho hết thảy muôn loài, vẫn bị cái màng tự lợi nó ngăn che

cái chướng cảnh linh rất kêu mà phải chịu đê trong nơi tịch tịch ít ai nghe tiếng, vì thế mà phong hóa ngày một suy đồi, lòng người ngày càng rời loạn, người phải khổ sở, không thể tả sao cho xiết được.

Vì các lẽ đã nói đại khái ở trên mà hội Phật-giáo thành lập, để chấn hưng đạo Phật, phát hành báo Đuốc-Tuệ để tuyên dương giáo lý của Phật, khuyên bảo cùng nhau hồi tâm hướng thiện, mong cho chóng bước lên con đường chính đại quang minh, mà cùng chung hưởng hạnh phúc hòa bình, nên hội mới thành lập được giá ba năm nay mà số hội viên có bao nhiêu vạn rồi, các chi hội đã được ngót một trăm, còn 5, 6 chục chi đã có giấy xin thành lập, song Trung-ương còn nhiều việc chưa có đủ thì giờ thu xếp nên chưa cho. Vậy xin mong rằng các ngài trong quý địa-phương đây đã có lòng mộ Phật, lòng đức nên chi hội này thật là quý hóa, song chỉ sợ hôm nay thì ồn ào nó nức nóng đủ: như thế này, mà đến mai thì vắng ngắt buồn tẻ không còn thấy có chi là hội nữa, như thế thì không những là không có ích gì mà lại là có hại nữa.

Vậy chắc các ngài đã cố công gắng sức lập lên, các ngài cũng mong sao làm cho đạt tới mục đích, vậy thì không cứ ở chùa hội quán, các chùa trong quý địa phương đã vào hội, mỗi tháng 2 tuần mồng một và rằm, nên khuyên cho được nhiều người đi lễ, xong rồi đem các kinh sách báo chí giảng giải cho mọi người nghe, hai là các chùa đền lập thành một cái thư viện sắm đủ các kinh sách báo chí nói về đạo Phật của hội hiện đã ấn hành để cho mọi người xem, ba là mở ra trường học đem các kinh sách dạy cho các con em trong làng, vừa biết chữ vừa hiểu được linh thần giáo-lý của Phật dạy sau sẽ trở nên những con hiền chớu thảo, thành người lương thiện tài giỏi, trong giúp ích cho gia-đình ngoài giúp ích cho xã-hội, bốn là chùa nào cũng nên sửa sang cho tở hảo trang nghiêm, trên có nơi thờ phụng, dưới có thư viện, có

trường học, ngoài có vườn hoa trước là để lấy hoa cúng Phật, sau là để những lúc thư nhàn thưởng ngoạn cùng nhau tức là cái công viên của cả làng.

Còn những sự cúng lễ lệ ngay ở các chùa xưa nay nên xuy xét cho kỹ, sự gì nên để sự gì nên bớt, đã gọi là theo đạo Phật xin nên giữ sao cho đúng với tôn-chỉ giới luật của Phật, như cúng lễ mà còn bày ra rượu thịt và vàng mã đều là trái với đạo Phật cả. Xin các ngài xem nhiều kinh sách của Phật dạy sẽ rõ, đây là trong ức triệu phần tôi nói chưa được một phần, mong rằng các ngài để ý xuy xét đọc tụng các kinh sách Phật cho nhiều, các ngài sẽ tìm ra các phương pháp cứu khổ của đạo Phật, tìm ra con đường lợi ích cho hết thảy mọi người, khi các ngài đã biết rồi các ngài lại khuyên chò mọi người cùng biết thì công đức thật là vô lượng vô biên.

Nam-mô Bản-sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

TRÍ - HẢI

KINH THIÊN - SINH DIỄN CA

(tiếp theo)

Dầu nghèo cũng cứ ưa nhân,
 Hè, đông, sớm, tối chơi tràn chẳng chần.
 Dù là trưởng giả vô tâm,
 Hay con trưởng giả mà thân chẳng dè.
 Nết hư sáu thứ đủ dè,
 Gia tư dầu lắm bền gì nữa dàu.
 Lặng nghe con nhớ từng câu,
 Nay nhờ tụng giấy để sau tỏ lòng.
 Cuộc đời phiến tạp nên thương,
 Trong cơ giao tế lắm đường khó khăn.
 Nhớ rằng bốn hạ không thân,
 Uý, Mỹ, Kinh, Ác chớ gần tìm lo.
 Uý là uý phục cùng ta,
 Vốn không thực bụng thuận hòa với ai.

Trước cho sau lại liếc đời,
 Bì inội lại muốn về mười mới vui.
 Lợi tâm lòng nhữnng bởi hời.
 Dù khi oán giận cũng người làm lành.
 Mỹ ngôn là kẻ tinh ranh,
 Dù hay dù dở cũng dành chẳng sao.
 Khi vui nó vỗ tay vào,
 Hến khi hoan nạt nó cầu hại thêm.
 Người hay ta muốn thăm tìm,
 Đem nhời ton hót nó rìm lấp đi.
 Kinh là kinh thuật như y.
 Theo ta nịnh hót có gì thực dáu.
 Việc làm ta vì có cầu,
 Tà tâm nó vẫn trước sau đổi lờ.
 Hễ khi nhảm nhỡ nên thua,
 Phán ta nó sẽ về lừa người ngay.
 Ác hữu lũ bọn không hay,
 Đều là đua đâm thàng ngày mà nên.
 Bạn chè rượu, bạn bạc tiền,
 Bạn đua hát múa, bạn phiến là dâm.
 Ấy là một lũ phi nhân,
 Giao du nên tránh, lưu tâm tụng này.
 Thán tình với lũ người hay,
 Chỉ, từ, đồng, lợi ta nay nên tìm.
 Chỉ phi đáng giá thiên kim,
 Can ngăn điều giở khuyển thêm điều lành.
 Lòng hằng thương sót chi thành,
 Dẫn đường chỉ lối thiên đình ta noi.
 Từ mản lượng rộng bề khơi,
 Thấy ai lợi ích thì vui thì mừng.
 Ai lo thì cũng lo chung
 Ai hay thì cũng đem lòng ngợi khen,
 Nếu ai sắp có điều hèn,
 Thì can lời bảo chớ yên sự người.

(Còn nữa)

Phạm-tất-Thắng

GIẢNG KINH THẬP - THIỆN

(tiếp theo)

Lại còn nói rằng : đã có một thời kì long đã làm chủ cả cõi đời nữa. Hiện nay ở bên châu Phi cũng hãy còn có con long sống, cho nên có thể tin được. Song những con long bây giờ, hoặc ở trên hư không, hoặc ở trong bể, đều là những chỗ sức người không đến được, cho nên không có giao tiếp gì với người. « Đại tí-khuru » tí-khuru nghĩa là thầy tu đi xin ăn mà tu, giữ được đúng giới luật, Đại-tí-khuru tức là những bậc đệ tử giỏi của Phật, thường theo Phật đi, vị nào cũng đã có tài tùy loài thuyết pháp được cho nên khi Phật nói pháp ở trên trời ở nhân-gian ở long-cung, ở trong cảnh tứ-thuyền, mới có thể gịy thính được. Lại có hơn 32000 bồ tát ở mười phương đến nghe, là để chứng rõ rằng bản kinh này Phật nói nhiều thính-giả làm chứng lắm, mà tin được đích xác là kinh của Phật nói vậy.

2 NÓI ĐẾN PHẦN CHÍNH 正說 (chia làm năm)

A. NÓI RÕ CÁI QUẢ THỂ GIAN VÀ XUẤT THỂ GIAN

(Phần này lại chia làm năm phần nữa)

1. TỚI NHÂN BIẾT RÕ QUẢ

爾 時 世 尊, 告 龍 王 言 :
Nhĩ thời thế tôn cáo long vương ngôn :
mày lúc đời cao bảo rồng vua nói :
bấy giờ đức Thế-tôn, bảo Long - vương rằng :
一 切 眾 生, 心 想 異 故
nhất thiết chúng sinh tâm tưởng dị 故
một thiết mọi sống, lòng tưởng khác cho-nên
hết thấy chúng sinh, vì lòng tưởng khác nhau, cho nên

造業亦異，由是故有
 tạo nghiệp diệc dị do thị cố hữu
 gây nghiệp cũng khác bởi ấy cho nên có
 gây nghiệp cũng khác, bởi thế cho nên có
 諸趣輪轉

chư thú luân chuyển.

mọi ngã bánh-xe quay.

sự luân hồi các ngã.

« Lúc bấy giờ đức Thế-tôn, bảo Long-vương rằng : Hết thầy chúng sinh, vì tâm tưởng khác nhau, gây nên nghiệp cũng khác nhau, vì thế mới có sự luân chuyển các ngã ».

Lúc bấy giờ tức là lúc thuyết pháp. Thế tôn tức là chỉ vào Phật, vì cả đời cùng tôn, nên đức là Thế-tôn. Long-vương là chúa nơi long-cung, nên Phật mới gọi Long-vương ra mà bảo. Tâm là chỉ vào phần chúa tâm 心王, tướng là chỉ vào phần thuộc về tâm 心所. Phần chúa tâm và phần thuộc về tâm của chúng sinh, có ba cõi 三界 chín nơi 九地 năm ngã 五趣 bốn loài 四生 khác nhau, cho nên cái nghiệp đã làm ra khác nhau, mà kết quả cũng khác nhau, cũng như tục thường nói : « lòng người khác nhau, cũng như bộ mặt » vậy. Đó là nói gộp làm một, chứ nói tách ra thì phải nói cả tâm cả tướng mới đủ. Song, những cái nghiệp bởi thân miệng ý gây ra kia, đều do cái tâm gây nên cả, cũng như sách nhỏ nói : « có ở trong thì lộ ra ngoài » vậy, Nếu cái sự hành động mà không có cái công dụng của tâm vào, thì không thể thành ra nghiệp thiện hay nghiệp ác được. Các nhà luân lý học bây giờ cũng đã có nhiều nhà bàn tới chỗ đó. Ấy chỉ vì tâm tưởng khác nhau, thì hành-vi tạo-tác phải khác nhau, mà cũng bởi đó mới gây nên cái quả luân, truyền trong năm ngã. Thế nào là luân truyền ? - Vì như gây nên nghiệp thiện thì sinh thiên. đờng, gây nên nghiệp ác, thì đọa súc sinh, chịu hết cái nghiệp súc sinh, như có nghiệp thiện gì, lại được làm người,

làm người mà làm ác, lại đọa vào địa ngục, cho nên gọi là luân-truyền.

2. TÓI QUẢ BIẾT RÕ NHÂN

龍王! 汝見此會, 及大
Long-vương! như kiến thử hội. cập đại
 rồng vua mà thấy ấy hội kịp lớn
 này long - vương! người coi hội này và trong
 海中, 形色種類, 各別
hải chung, hình sắc chủng loại các biệt
 bề trong hình sắc giống loài, đều ghê
 bề lớn, hình sắc giống loài, đều khác
 否耶? 如是一切, 靡不
phủ gia? như thị nhất thiết. mĩ bất
 không ư? bằng ấy một thiết chẳng chẳng
 không ư? Như thế hết thảy, chẳng gì chẳng
 由心造業, 不善身業
do tâm tạo thiện, bất thiện thân nghiệp
 bởi lòng gây lành, chẳng lành mình nghiệp
 bởi lòng gây nên nghiệp thân nghiệp ngữ nghiệp ý
 語業意業所致.
ngữ nghiệp ý nghiệp sở chí.
 nói nghiệp ý nghiệp thừa đến.
 lành hay không lành mà đến.

« Này long vương! ông xem hình sắc, giống loài, ở trong hội này và trong bề lớn kia, có phải mỗi loài một khác đó không? Hết thảy các loài như thế, đều là bởi cái tâm gây nên rồi truyền ra thân miệng ý làm nên nghiệp lành hay nghiệp dữ mà kết quả đến như thế đó.

3. BÀY CÁC NHẠN LÊN ĐỀ CÙNG RÕ CẢ

(mục này lại chia làm ba)

1. XÉT RÕ TÂM KHÔNG CÓ CHỦ

而 心 無 色, 不 可 見 取,
 nhi tâm vô sắc, bất khả kiến thủ,
 mà lòng không sắc chẳng khả thấy lấy,
 mà tâm không có sắc không thể thấy được lấy được,
 但 是 虛 妄, 諸 法 集 起
 đān thị hư vọng chư pháp tập khởi
 những ấy hư sáng mọi phép họp giã
 những là hư hao mọi phép góp nên
 早 竟 無 主 無 我 我 所.
 tất cánh vô chủ vô ngã ngã sở.
 hết xong không chúa không ta ta chốn,
 sét hết không có chủ, không có ta và chỗ của ta.

« Mà tâm thì không có hình có sắc gì, không thể trông thấy, không thể lấy được, nó chỉ là bởi góp các tính • phân biệt sáng ra mọi phép • mà khởi lên, rút lại là không có chủ, không có ta, không có chỗ nào là chỗ của ta »

Tâm là vật không có hình có sắc, mắt không trông thấy, tay không nắm lấy được, nó chỉ vì tích góp cái tính phân biệt sáng ra hết thảy mọi phép từ vô-thủy mà nổi lên. Bởi cái mầm mống ấy hiện lên, nên ba cõi cũng đều bởi cái tính phân biệt sáng ấy mà hiện ra, rút lại là không có chủ, không thể chỉ được cái gì là ta, cái gì là chỗ của ta ; nếu chấp là tâm có chủ, tức thì thành ra cái pháp có thường có dứt.

(Còn nữa)

TÂY - VỰC KÝ

(tiếp theo)

Bấy giờ Pháp - sư một mình một bóng chỉ chuyên chú niệm danh hiệu ngài « Quán-thế-âm » và tụng kinh « Bát-nhã ». Nguyên khi Pháp-sư ở Ba-thục, gặp một người bị bệnh hủi, quần áo rách rưới, thân thể thối tha, động lòng thương xót, mới đem về chùa cho quần áo, cho cơm, cho thuốc, người ốm cảm ơn, mới truyền cho Pháp-sư bản kinh ấy, từ đó Pháp-sư tụng luôn. Khi đèn bẽ cát, gặp các loài ác quỷ, bích trượng kỳ dị vây kín cả trước sau, tuy niệm danh hiệu ngài « Quán-âm », nó cũng không lui, chỉ tụng kinh ấy, cất tiếng đều tau bết, trong cơn nguy cấp, hoàn toàn nương cậy vào bản kinh ấy cả.

Bấy giờ ngài đi độ hơn trăm dặm thì lạc đường, tìm suối Dã-mã chẳng thấy đâu cả, cõi túi nước ra uống, túi nặng quá xây tay đánh đổ, lương đi ngàn dặm, nhất đán đồ tiệt, đường lối mê man, biết là về đâu, mới toan trở lại cái đôn thứ tư. Vừa quay về được độ hơn mười dặm, bỗng tự nghĩ rằng : Trước kia ta đã phát nguyện, « nếu không tới Thiêu-trúc, quyết không trở lại một bước », bây giờ cơ sao lại đi trở lại ? Thà rằng cứ đi thẳng về hướng Tây mà chết, còn hơn trở lại hướng Đông mà sống. Nghĩ đoạn liền quay cương ngựa, chuyên niệm danh hiệu ngài « Quán-âm », thẳng đường đi về phía Tây bắc. Bấy giờ từ cổ móng mánh, không thấy qua một bóng người bóng chim nào, đèn thì ma chơi rập rờn, như sao trên trời, ngày thì gió lốc cuốn cát, tung tóe như mưa, tuy gặp những cảnh như thế, nhưng vẫn vững tâm, chỉ khổ một nỗi hết nước, khát không chịu được.

Lúc đó đã qua bốn đêm năm ngày, không được một giọt nước nào vào miệng, miệng khô như ngói, bụng nóng như lửa, cơ hồ chết rồi, không thể bỏ đi được nữa, mới nằm phục trên bãi cát, lặng niệm ngài « Quán-âm », khổ khổ đến đâu cũng không rời, và khấn rằng : « Huyền-trang con đây, sở dĩ đi đến chốn này, không dám nánh tâm cầu danh cầu lợi, chỉ vì cầu lấy « Vô-thượng chính-

pháp» mà đi, ngựa trông Bồ-tát từ bi, lễ-độ cho chúng-sinh khổ nạn ». Khấn rồi cứ tâm niệm luôn luôn. Đến nửa đêm hôm thứ năm, bỗng thấy một cơn gió mát lùa vào trong mình, mát mẽ như tắm nước suối, hai mắt lại lỉnh lẻo, ngựa cũng giẫy được. Thân thể đã thấy dễ chịu, nằm thiu thiu ngủ liền thấy một vị thần nhân, cao 2, 3 trượng, khía kích bảo rằng : « Sao không cố đi, mà lại nằm li ở đây thế ? »

Pháp-sư rất mình lỉnh giẫy. Đi độ 10 dặm, con ngựa rẽ sang lối khác, tìm lại không được. Đi độ 2, 3 dặm nữa, nhác thấy một đám cỏ xanh, rộng đến 2, 3 mẫu, mới xuống ngựa thả cho ngựa ăn, cách bãi cỏ độ mười thước, lại có một cái ao, nước trong vắt mà vị ngọt lạ. Uống ao uống nước, thân thể lại mạnh như thường, cả người lẫn ngựa, dường như sống lại. Chẳng dấy cũng không phải là chỗ trước vẫn có, mà chính là nhờ Bồ-tát từ bi phả-cứu, chỉ thành cảm ứng, phần nhiều như thế. Nằm trên bãi cỏ, nghỉ ngơi một ngày, hôm sau nhổ ít cỏ, múc túi nước rồi lại đi, giông giã hai ngày nữa, mới ra khỏi bể cát, tới cõi nước Y-ngô. Những sự nguy hiểm như thế, hàng trăm hàng ngàn, không thể kể xiết được.

Đến nước Y-ngô, vào trú trong một cái chùa. Chùa ấy có ba vị sư Tàu, trong có một vị tuổi đã già, áo ngắn trên lưng, đi bộ ra đôn, ôm lấy Pháp-sư, khóc lóc thảm thiết, nghẹn ngào mà rằng : « Ngờ đâu ngày nay lại trông thấy người cùng nước cùng nơi ! » Pháp-sư thấy thế cũng động lòng cảm thương. Các vị sư Tây (Hồ tăng) đều đến yết kiến và mời đến chơi, cúng dàng cực kỳ long trọng. Lúc đó có một sứ-giã của vua nước Cao-sương Cúc-vấn-Thải sang nước Y-ngô, trở về qua đây, được gặp Pháp-sư, lúc về tâu với vua. Vua liền sai sứ sang nói với vua nước Y-ngô mời họ Pháp-sư lại chơi, và cho 2, 4 chục ngựa quý, chia từng trạm một mà đón. Pháp-sư ở chùa ấy hơn 40 ngày, thì sứ của vua đến, trình rõ ý vua xin cần mời rước.

Pháp-sư định đi qua nước Khả-hồn Phù-dồ, vì vua Cao-

sương cố mời, không thể từ được, mới lặn lội qua bãi cát phía Nam, vừa đúng 6 ngày, mới đến thành Tự-lực, nước Cao-sương. Bấy giờ trời đã tối, Pháp - sư định nghỉ ở thành ấy, các quan và sứ giả nói rằng : « Kinh thành cũng gần đây, xin cứ đi cho », mới đổi ngựa khác đi mà lưu ngựa của cũ lại về sau. Gà gáy đêm hôm ấy đi đến vương-thành. Quan canh cửa vào tâu vua, vua liền truyền cho mở cửa. Pháp-sư đi vào trong thành, vua sai quân quan cầm đuốc sắp hàng cả hai bên. Vua thân đón Pháp-sư vào cung sau, mời Pháp-sư ngồi trên bảo-chương, thăm hỏi âu cần mà rằng : « Từ khi đệ-tử nghe thấy danh hiệu Pháp-sư, mừng rỡ quên ăn quên ngủ, lượng tình cung đường, biết rằng đêm nay Pháp sư tất đến, cho nên cùng với vợ con đều ngồi tụng kinh chờ đợi, chưa dám đi nghỉ ». Giây lát, thấy vương phi và 10 tên thị-nữ lại lạy mừng. Lúc đó trời đã gần sáng. Pháp-sư cáo rằng mỗi mệt muốn nghỉ. Vua mới từ về cung, để hai ba vị quan Hoàng - môn túc chực.

Sáng ngày Pháp-sư chưa giậy, vua đã cùng vương-phi đến chực ngoài cửa. Vua nói : « Đệ-tử nghỉ như đường cát gian hiểm như thế mà một mình Pháp-sư đi qua được, thực là kì dị ». Nói rồi ứa nước mắt mà tán thán hoài. Bên cung vua đã bày sẵn một nơi đạo tràng, cùng dâng xong mời Pháp sư sang đạo tràng ở, cất các hoạn quan thị vệ. Ở đó có một vị là Lục-pháp-sư đã từng lưu học tại Tràng-an, thông hiểu tôn pháp-tướng, vua rất quý trọng, nên cho vào yết kiến Pháp-sư. Một lúc ra, lại sai ngài Quốc-thống vương Pháp-sư, đã ngoài 80 tuổi cùng ở làm bạn với Pháp-sư, và khuyên Pháp-sư lưu lại ở đây, đừng sang Tây-phương nữa. Pháp-sư không nghe.

Ở đó hơn mười ngày, định cáo từ đi. Vua nói : « Đệ-tử đã nhờ Thống pháp-sư lưu thỉnh, ý Pháp-sư nghỉ thế nào ? » Pháp-sư nói : « Lưu lại thực là cái ơn của vua ban cho, nhưng đối với bản tâm của hần-tướng thì không được thỏa ». Vua nói : « Đệ-tử từng sang du học bên quý-

quốc, theo vua từng trải khắp Đông-kinh Tây-kinh và các vùng Yên, Đại, Puân, Tấu, được tiếp nhiều vị cao tăng, nhưng trong lòng không luyện mộ ai, từ khi nghe thấy danh hiệu Pháp-sur, thân tâm vui thích, tay múa chân khua. Nay Pháp-sur đã tới đây, xin nhận lễ cúng dâng của đệ tử cho trọn một đời. Đệ tử xin xuất cả toàn dân trong nước về quy Pháp-sur, mong rằng Pháp-sur dạy bảo cho, Tăng đồ tuy ít, cũng có tới 3,4 ngàn, xin đều đem kinh, nghe Pháp-sur giảng, cúi xin xét đến tấm lòng thành nhỏ mọn này mà quên việc Tây du cho ».

Pháp-sur từ tạ rằng : « Cái ý bậu đãi của vua, bản đạo bậc đức, thực không đờng nổi, vả lại bản đạo di chuyển này, không phải là vì cúng dâng, chỉ vì trong nước, phật-nghiã chưa đủ, kinh giáo còn thiếu, lòng mang mối ngờ, không biết lối đâu, cho nên liều mạng sang Tây, nghe lấy những điều bí-chỉ, muốn cho giọt cam lộ phương đàng, không tươi riêng một xứ Ca-duy, nghĩa huyền vi quyết-trạch đều chân khắp cả bên Đông-quốc. Cái chí hồi đạo như Ba-Luân, cái lòng cầu pháp như Thiện-Tại, chỉ có thể càng ngày càng bẽ bàng mạnh, có lẽ nào giữa đường lại thôi được, nguyện xin Đại-vương xét lại, đừng để tâm đến bản đạo mà cúng dâng phiếm lạm làm gì nữa ».

Vua nói : « Đệ tử miễn phục Pháp-sur, thế nào cũng xin cúng dâng mãi, núi Thông có thể truyền, ý này khôn đời được, xin tin tấm ngu lònab, chớ ngờ là giả giới ». Pháp-sur nói : « Tấm lòng sáu sa của vua, không phiền phải nói nhiều mới biết, nhưng Huyền trang tôi sang Tây là vì pháp pháp chưa cầu được, không thể bỏ dở nửa đường, vì thế dám kính từ, xin vua lượng xá cho. Vả lại Đại-vương xưa kia tu nhiều thiện nghiệp hơn đời, làm đến vua chúa, không những thương sinh được nương nhờ, mà đạo Phật cũng trông cậy, lẽ nên giúp thêm, sao lại ngăn trở ». Vua nói : « Đệ tử cũng không dám ngăn trở, chỉ vì không ai đáng vì đạo sư, cho nên dám cố kêu cầu cùng Pháp-sur, để khai hóa chỉ dẫn cho đàn ngu mê mà thôi ». Pháp-sur vẫn hết sức cố từ.

(còn nữa)

KIÊN - NHÃN

Bài diễn thuyết tại chùa Quán sứ ngày mồng một
tháng chạp năm Đinh Sửu, vào ngày làm lễ chúc
thọ Cụ lớn Võ - hiền Danh - dự hội - trưởng
hội Phật - giáo Bắc - Kỳ

—→☉←—

Nam-mô A-di-Đà Phật,

Kính bái Cụ Lớn Chánh hội-trưởng,

Kính bạch chư vị Đại-đức,

Thưa các Ngài,

Hôm nay là ngày hội ta làm lễ chúc thọ Cụ Lớn Võ -
Hiền điện đại học sĩ Hoàng tướng công danh dự hội-
trưởng hội Phật-giáo ta, mà tôi lại được cái hân hạnh cùng
các ngài xum họp trước nơi Tam-bảo này, một sự đồng
đúc vui vẻ đã biểu hiệu cho tôi được trông thấy cái tinh-
thần Phật pháp xương minh, mà hội ta thành lập từ ngày
17 tháng 11 năm Giáp-tuất đến nay, bao nhiêu công việc
cùng những lễ nghi mỗi ngày thêm tiến đạt.

Hội ta làm được như thế, là vì những lẽ này :

1. Vì đạo Phật là một giáo lý cao siêu quán triệt, thiết-
thực và nhiệm mầu.

2. Vì chư Phật cùng các vị thiện thần vẫn thường ủng hộ.

3. Vì trên cụ lớn Chánh hội trưởng với chư tăng cùng
tất cả thiện tín đàn na đều sốt sắng về công việc tiến-hành
bằng tấm lòng « Kiên-nhẫn ».

Lòng Kiên-nhẫn ! Lòng Kiên-nhẫn quý hóa biết bao ! Vay
hôm nay tôi xin hầu truyện các ngài về vấn đề « Kiên-nhẫn ».

Kiên 堅 là bền, Nhẫn 忍 là chịu nhịn ; Kiên-nhẫn nghĩa là
bền lòng chịu nhịn hết thảy mọi việc nó kích thích, nó
trái ngược với thể-phách và tư tưởng của mình.

Theo như trong kinh Lục-độ-tập thời Nhẫn có hai
nghĩa : 1. Sinh nhẫn. 2. Pháp nhẫn.

Sinh-nhẫn 生忍 nghĩa là nhẫn-nại với mọi sự trực tiếp trong cuộc nhân-sinh. Thí dụ : Ai chửi mắng mình, mình im lặng ; ai đánh đập mình, mình nhún nhường ; ai nịnh hót mình, mình đừng lấy làm thích ; ai dèm chê mình, mình đừng giận ; ai yêu mến mình, mình đừng ưa ; ai ghét dơ mình, mình đừng chán ; ai cung kính mình, mình đừng kiêu ; ai khinh miệt mình, mình đừng chề. Hết thấy mọi sự đời đều nên lấy thái độ hòa bình mà đối phó. Trong lòng phải định tĩnh luôn luôn ; ngịch cảnh không động tâm, thuận cảnh không thiên tính ; mọi sự đều không lay chuyển được tâm mình, như thế gọi là « Sinh-nhẫn ».

Trong kinh Phật nói rằng : Có người nghe thấy Phật giữ đạo, làm những việc nhân từ, cố ý đến mắng Phật ; Phật im lặng không nói gì. Mắng chán rồi, Phật mới bời rằng : Anh lấy lễ đối ai, mà người ta không nhận, thời anh lại đem về chửi ? Người kia đáp rằng : Phải ! Phật lại bảo rằng : Nay anh chửi tôi mà tôi không nhận, thời anh chửi anh nghe!

Một người chửi mắng ta mà ta làm ngơ không nhận, thời ta không thấy bực tức gì, mà kẻ kia vì sự im lặng của ta sẽ bị xấu hổ và tự thấy sự khinh bỉ ngấm ngấm vô cùng.

Trong kinh Phật lại nói rằng : Có người vì sự bực tức mà chửi trời, trời vẫn im lặng, nó càng căm tức, ngứa mặt nhử tội lên trời, chẳng ngờ bột lại rơi vào mặt.

Xem như thế thời kẻ căm hờn kia, vì sự im lặng của ông trời, mà bị nhục nấn khổ não, thế thời ta tự thấy rằng : sự nhẫn nại không những là tránh cho ta mọi sự căm hờn, mà lại còn đưa lại cho ta nhiều điều thư thái.

Pháp nhẫn 法忍 nghĩa là nhẫn với mọi sự gián tiếp cũng những trạng huống an bài trong vũ trụ ; tức là mình phải cứng cổ diễm đạm mà chịu lại với mọi sự nó lần lượt đến mình. Thí dụ : Trời nắng mình không lấy gì làm ngại, trời mưa mình không lấy gì làm lạnh, gió bão

minh không lấy gì làm hãi, sấm chớp mình không lấy gì làm kinh, đói rét mình không lấy gì làm khổ. già nua mình không lấy gì làm phiền, ốm mình không lấy gì làm đau, chết mình không lấy gì làm thiệt. Tóm lại là ta phải quên cái « có ta » đi. ta không nên nhận làm sự ra, sự ghét, sự vui, sự khổ làm gì; những sự cảm-súc đến, chẳng qua là do vọng tưởng nó xui tên, mà thành ra có thật; ta thử xét lại mà coi, thời ta sẽ biết rằng, mọi sự vật ở đời đều là giả dối không thật; ngay đến cái thân ta là hình hài hiển hiện mà cũng chỉ bởi bốn chất lớn là: đất, nước, lửa, gió hợp lại mà thành, rồi một ngày kia nó sẽ tan-lành cùng đất nước, nó sẽ vô hình vô ảnh như tiếng nói, như gió bay, mà các quyền hạn chế tồn vong không phải là tự mình có quyền bảo thủ được. Ta sẽ thời nó có khác gì:

Cái hoa kia nay nở mai tàn,

Mặt trăng kia tối mọc sáng lặn,

Nước sông kia sớm lên chiều xuống,

Đám mây kia phút hợp phút tan.

Nó chỉ một tuồng như bọt nước, như sương mai, nào có chi là vĩnh-viễn; có vĩnh viễn họa chăng là cái tục tập mê lầm, cái vô-minh, cái vọng-tưởng.

Cái vọng-tưởng! Than ôi! Cái vọng tưởng nó só đây người ta, nó quyền dữ người ta, nó lôi kéo người ta, nó làm cho người ta phải chìm đắm mãi trong sông mê bến khổ.

Kinh Lăng-nghiêm Phật dạy rằng: « Hết thấy chúng sinh từ đời vô-thủy đến giờ. chỉ vì không biết cái chân làm thật tướng, cái bản tính chân như, mà nổi cái nghiệp tử sinh, chỉ mong ước hão-huyề, lầm theo những điều không có thật, cho nên phải chịu nó xô đẩy ». Bị nó xô-dẩy, có phải do vọng tưởng nó xui nên chẳng? vọng-tưởng có phải do nhận lầm cái « có ta » chẳng? nhận lầm cái « có ta » phải chăng vì lòng không biết kiên-nhẫn mà tư đạo.

Thế thời trái lại, lòng kiên-nhẫn sẽ đưa ta đến cái đặc-điểm của chân-tâm, tức là phá tan cái màn vô minh mà tìm ra Phật-linh vậy.

Chữ Nhẫn cái nghĩa nó hiển nhiên rõ rệt, nói ra thời dễ, nhưng thực-hành được hoàn toàn thì rất khó. Tại sao thế?

- Vì xét như chữ « Nhẫn 忍 » thời chữ « Nhận 刃 » trên, chữ « Tâm 心 » dưới, chữ nhận là mũi dao, chữ tâm là lòng, nghĩa là trong khi người ta bị sự nhục nó cảm xúc đến, thời như mũi dao nó đâm vào lòng, khó mà chịu nổi. Nhưng nói đến chữ « Nhục 辱 » thời bằng chữ « Thốn 寸 » và chữ « Thời 辰 », chữ thốn là tấc, chữ thời là giờ, nghĩa là cái nhục nó chỉ có trong chớp lát mà thôi.

Phương pháp tu-hành đạo Phật cần phải lấy kiên nhẫn làm đầu, có kiên-nhẫn thời tu mới đến chốn cứu cánh. Đức Phật Thích-ca đã từng sáu năm tu núi-Tuyết, sau còn đem lòng kiên nhẫn ngồi dưới gốc cây Bồ-đề 49 ngày, đức Nguyễn Minh-không đắc thần thông rồi, sau còn đem lòng kiên nhẫn 42 năm cầu đạo. Các ngài sở dĩ chứng được đạo vô thượng bồ-đề, cũng bởi có tấm lòng kiên nhẫn. Cho nên Phật dạy rằng : « Nhẫn nhục đệ nhất đạo 忍辱第一道. Nghĩa là nhẫn nhục là con đường thứ nhất đưa người ta đến bờ giác ». Một chữ nhẫn chẳng những là tu đạo đến chốn cứu cánh, mà lại còn xử thế được hoàn toàn.

Đoạn này tôi nói về chữ kiên-nhẫn chú trọng về phương diện Phật-giáo, kể cũng đã đủ nghĩa rồi, nhưng muốn chứng nhận được chữ kiên nhẫn xử thế hoàn toàn thời tôi lại nói thêm về Nho-giáo phụ họa vào, để tỏ rằng các ngài đều cần phải có tấm lòng kiên-nhẫn.

Nho-giáo nói rằng : « Nhẫn đắc nhất thời chi khí, miễn đắc bách nhật chi 曇 ». Nghĩa là nhịn được sự uất ức trong một lúc, thời

tránh được sự lo lắng trong trăm ngày.

Một hôm ông Tử-trương hỏi đức Khổng-tử rằng : Thưa thầy ! Thầy dạy cho tôi một chữ gì, mà để có thể suốt đời được trọn vẹn. Đức Khổng tử bảo rằng : « Nhân chi vi thượng 忍之爲上 ». Nghĩa là chỉ có nhẫn là hơn. Ông Tử-trương lại hỏi rằng : Nhân thời được thế nào ? Đức Khổng-tử bảo rằng : Vua tôi mà nhân thời thiên-hạ thái bình, ngôi trời bền vững ; cha con mà nhân thời gia phong thuần-hậu, cơ nghiệp dài lâu ; anh em mà nhân thời mạnh bền thế-lực ; bầu bạn mà nhân thời trọn đời không bỏ nhau ; vợ chồng mà nhân thời đạo nhà hạnh đạt, trọn kiếp ái-ân.

Ông Tử-trương lại hỏi rằng : Nếu không nhân thời sao ? Đức Khổng-Tử bảo rằng : Vua tôi không nhân thời thiên-hạ loạn-ly, ngôi trời nghiêng đổ ; cha con không nhân thời gia-đình đời-bại, cơ-nghiệp suy-vi ; anh em không nhân thời thế lực yếu hèn, tình cốt nhục dễ sinh ly-tán ; bầu bạn không nhân thời tín-nhiệm không còn ; vợ chồng không nhân thời tiêu ma hạnh-phúc, và dễ tuyệt tình ái-ân.

Một bài này Nho-giáo nói về công-dụng chữ nhẫn gồm cả ngũ-luân ; tóm lại nghĩa là hết thầy mọi người, mọi bạn phận đều phải một lòng kiên nhẫn. Nhẫn thời được mọi sự tốt đẹp, mà không nhẫn thời gặp mọi sự nguy hiểm và đau thương. Việc đời thành cũng vì sự Nhẫn, mà bại cũng vì sự bất kiên nhẫn.

Ta đem sử sách mà coi, các bậc thánh-nhân, hiền triết, sở dĩ lập thân hành đạo, thiên cồ danh thụ ; cũng chỉ vì tấm lòng kiên nhẫn : Từ vua Nghiêu cũng do lòng kiên nhẫn đem đạo-đức trị dân, mà danh vọng sánh cùng trời vậy ; vua Thuấn chịu kiên nhẫn cày ở Lịch-sơn, mà được vua Nghiêu truyền cho thiên hạ ; vua Vũ chịu kiên nhẫn đi qua cửa nhà không vào mới trị được nước lụt cho dân ; vua Thang có nhẫn nại ở

Hạt hai mới đánh được chúa Kiệt; vua Văn-vương có nhân nại ở Rưu lý mới về được thành Tây kỳ mà cha con đoàn tụ; vua Võ vương có nhân nại chiêu hiền nạp sĩ, mới đánh được chúa Trụ mà dựng nên cơ-nghiệp nhà Chu; ông Khương-tử-Nha có nhân nại ngồi câu sông Vị sau mới gặp được chúa mà làm nên Tề-tướng; ông Bá-di, ông Thúc Tề có nhân-nại ở núi Nhũ-dương, đánh chổi dúi không ăn thóc nhà Cbu, mới đề tiếng sử sách nghìn đời ca tụng; đức Khổng-tử có nhân nại, với Hoàn-khôi ở nước Tống, chịu vây ở nước Trần, mới truyền được đạo-giáo để nghìn đời sùng bái; vua Cao-tổ có nhân-nại ở Hán-tùng, mới đánh được Hạng-vương; ông Hàn-tin có nhân-nại ở Hoài-âm mới làm nên tướng-quốc, ông Lạc-tồn có nhân nại ở Hào đình, mới giữ được cơ nghiệp nước Ngô, ông Trọng-đạt có nhân nại với Khổng-minh mới dựng nên giang san nhà Tấn; ông Tiết nhân-Quí có nhân nại với Trương-sĩ-Quí mới làm đến nguyên-sứ; ông Trương-công-Nghệ có nhân nại, một nhà mới xum họp được chín đời.

Cho hay lòng kiên nhẫn trăn trọng biết bao! qui-hóa biết bao! chúng ta há chẳng nên theo cái gương kiên nhẫn của Phật tổ, của Thành hiền, mà tu tâm dưỡng tính, kiên cố lập nghiệp sao? Ai học đạo thời theo cái gương kiên nhẫn của Phật tổ, ai xử thế thời nên theo cái gương kiên nhẫn của Thành hiền, cho đến tứ dân, bách nghệ đều phải có lòng kiên nhẫn cả, nghĩa là bất cứ học nghề gì, hay làm việc gì cũng phải bền lòng nhẫn nại, mà học cho thành tài, tâm cho tới mục đích. (còn nữa)

Sa-môn : Đỉnh - tương - Như

BỒ CHÍNH

Kỳ hội-đồng bất thường các Đại-lý chi hội Phật-giáo có đăng trong báo Duốc-Tuệ số 73 ra ngày 15-11-37, tin các hội-viên về dự hội, còn sót tên ông Ngô-bá-Sơ, Phó Đại-biểu chi Cồ - lễ (Nam-định). Vạy xin bổ chính.

Việc làm chùa Hội-quán Trung-wong

Theo biên bản hội đồng bên tăng giới ngày 19 Octobre và biên-bản hội-dồng Quán-trị ngày 24 Octobre 1937, thì các hội viên trong Hội đều cùng góp mỗi vị một đồng (1\$00) để lấy tiền khởi công làm chùa Hội quán.

Vậy xin đăng phương danh các vị đã cùng góp lên báo chương để thiện-tín thập-phương chứng giám.

Các ngài: Phạm đức Đầu, Lê thị Thục, Nguyễn đức Khôi, Nguyễn văn Đức, Đặng thị Nghĩa, Nguyễn thị Oanh, Lê nguyên Bằng, Ngô thị Trà (Mme Bàng) Vương quang Lộc, Phạm thị Phúc, Nguyễn đáng Đáng, Phạm thuy Ngân, Mạnh xuân Lợi, Nguyễn thị Phúc, Nguyễn trọng Văn, Đặng hữu Lương, Hoàng thị Tu, Hoàng thị Xa, Trần ngọc Liên, Tư thị Ái, Trần thị Thương, Phạm văn Ngân, Phạm văn Đình, Phạm thị E, Nguyễn văn Hai, Nguyễn thị Thụ, Phạm thị An, Nguyễn ngọc Toại, Đặng thị Dương, Nguyễn thị Nhân, Phạm thị Mai, Vũ thị Nhu, Lê thị Lan, Văn sung Sĩ, Nguyễn hữu Tuấn, Nguyễn thị Đoan, Vũ ngọc Lâm, Trần hữu Y, Vũ thị Như (tức Bảo hương) Lý thị Dâu hiệu Diên, Đỗ xuân Ty, Nguyễn thị Thành, Phạm thị Dương, Phạm thị Thang, Đào thị Đăng, Phạm thị Chư, Lương thị Chi, Nguyễn văn Chương, Bùi thị Xuyên, Chu vi Lễ, Hán thị Chuông, Hoàng văn Đoan, Hoàng văn Than, Hoàng ngọc Giước, Vũ ta Loan, Đỗ đình Chư, Đỗ đình Bảo, Vương thị Dúng, Nguyễn thị Tinh, Trần thị Tý, Nguyễn xuân Thơi, Nguyễn kim Huệ, ông Nguyễn-huy-Xương, Bà Nguyễn-huy-Xương, Nguyễn văn Hữu, Đặng thị Thia, Phạm thị Út, Cao thị Canh, Nguyễn vu Mẫn, Phạm văn Quất, Trần thị Ngọc, Bùi thị Huân, Đỗ thị Ban, Nguyễn thị Kim, Nguyễn thị Sinh, Hoàng văn Tý, Hoàng văn Phong, Nguyễn thị Tá, Phạm văn Dương, Nguyễn thị Hai, Nguyễn văn Thung, Nguyễn văn Duyệt, Vũ văn Trai, Nguyễn thị Ngươn, Nguyễn văn Tác, Nguyễn văn Vỹ, Hàn ngọc Hồ, Nguyễn văn Văn, Nguyễn văn Quất, Dương thị Liễu, Minh đình Ky, Vũ văn Chân, Nguyễn văn Liễu, Đặng thị Nu, Nguyễn thị Sâm, Nguyễn thị San, Phạm huy

Quy, Phạm thị Thao, Vũ văn Sản, Nguyễn thị Sâm, Đào quang Phả, Đào thị Chinh, Nguyễn thị An, Đặng hội Kình, Nguyễn thị Nhơn, Lê thị Ninh, Tô thị Lợi, Quán thị ũng, Quán thị Đạm, Tô thị Tauan, Hoàng đình Hiếu, Tô Nguyễn, Bà Lai, Quán thị Lạc, Bà Phó, Cù quang Sáng, Tô thị Bé, Nguyễn thị Liễu, Nguyễn công Dy, Bùi ngô Luân, Vũ văn Phùng, Vũ văn Sáng, Trần khắc Minh, Nguyễn bá Liên, Nguyễn bá Thọ, Dương trọng Khiết, Dương duy Nhạc, Dương văn Thiệp, Nguyễn văn Tiến, Nguyễn văn Phòng, Chu ân Phú, Chu quý Nam, Trần khắc Thiệp, Nguyễn quang Các, Chu duy Huynh, Nguyễn văn Bút, Nguyễn quang Thu, Nguyễn văn Khung, Trần khắc Huy, Nguyễn văn Vỹ, Dương gia Chấn, Trần khắc Hân, Nguyễn văn Khoa, Dương văn Sừ, Dương văn Song, Chu thị Mít, Nguyễn thị Đại, Lê thị Hùy, Hà thị Sinh, Nguyễn thị Hạ, Chu thị Phước, Vũ thị Cò, Nguyễn thị Liên, Nguyễn thị Xuênb, Nguyễn thị Yên, Nguyễn thị Xuyến, Chu thị Tâm, Chu thị Tinh, Nguyễn thị Thảng, Nguyễn thị Hũ, Trần thị Nguyệt, Dương thị Vũ, Dương thị Tâm, Nguyễn thị Thế, Nguyễn thị Sừ, Nguyễn thị Vạch, Nguyễn thị Kiệt

Phương danh các chi hội Phật giáo
cúng góp làm chùa

Chư tăng chi hội Vĩnh yên	50\$00
Chư tăng chi hội Yên lăng, Phúc yên	30.00
Chư tăng chi hội Kim anh, Phúc yên	20.00
Chi hội Hải phòng	100.00
Chư tăng chi hội Tế xuyên	30.00
Chi hội Tứ trùng nam, Hải hậu	30.00
Chư tăng chi hội Đông anh, Phúc yên	17.00
Chư tăng chi hội Hương-yên	33.00
Cụ Giám viện Phúc lâm, Hải hậu	7.00
Chi hội Hải dương	100.00
Chi hội Văn lâm	34.00
Chi hội Thái ninh	60.00
Chi hội Đa bảo	10.00

Chi hội Hải yển	20\$00
Chi hội Vãn giang	20.00
Chư tăng chi hội Tứ kỳ	15.00
Chi hội Mễ sở	50.00
Chi hội Phật-giáo phủ Tứ kỳ Haiduong	15.00
Chi hội Phật-giáo kính chủ, phủ Kinh môn	
	đã đưa 45.00
	(còn nữa)

TIỀN CÔNG ĐỨC LÀM CHÙA

M. Lê văn Mãn, Phan thiết	1\$00
M. Nguyễn long Thanh, Soctrang	2.00
M. Nguyễn lập Kỳ, Soctrang	2.00
M. Ung minh Vãng, Soctrang	2.00
Cụ Phạm thị Minh, đường Huế	3.00

THỜI SỰ

TIN TRONG NƯỚC

Công cuộc cứu tế trước ngày tết nguyên đán — Ở Việt-nam hiện này, hết thảy mọi việc về dân sinh đều đang cần thiết cứu trợ, mà việc cần thiết hơn nhất là cứu tế cho nạn dân bị lụt, bị hạn khắp mọi nơi trong nước, năm vừa qua. Bởi vậy các hội Từ-thiện ở các địa phương đã hết lòng về việc đó, nạn dân nhiều người được thừa ơn trong vài ngày tết là cái ngày mà người ta thấy cảm kích hơn. Ở Bắc-kỳ hội Phổ-tế phát áo cho dân bị lụt. Cuộc triển cấp này do Cụ bà Nguyễn-năng-Quốc trông coi, ngày 23 tháng chạp đã đem phát cho dân lụt Bắc-ninh 4000 cái quần áo và phát cho dân lụt Bắc-giang 3000 cái. Quan Thống-sứ lại cho tiền mua bò, lợn, bánh-trái phát cho dân lụt nuôi ở tỉnh lỵ hai tỉnh ấy ăn tết. — Ở Trung-kỳ, thành phố Faifoo, cũng

phát cho dân nghèo tiền để ăn tết. Người lớn 0:30, trẻ con 0\$10, phát vào ngày 27 Janvier. Số tiền đó do các nhân-viên sở địa chính tổ chức diễn kịch thu được, Ngoài ra các tỉnh khác như Tuyên-quang, Thái-bình, Nam-dịnh cũng đều có chẩn-cấp dân cùng Ôi, một miếng khi đói bằng gói khi no, manh áo ấm cật, lưng cơm no lòng, phúc đức biết bao. Thấy những công cuộc cứu-tế sốt sắn ấy, hội Phật-giáo chúng tôi rất lấy làm cảm động. Mong đại bi đại nguyện của Chư Phật ngày càng thực hiện ra cõi đời này, từ xã-hội, đến chính-trị, đến quốc-tế, đều cảm hóa chủ-nghĩa từ bi bình đẳng của Phật, thì nhân loại thế giới sẽ cùng được hưởng hạnh phúc an vui. Mà thiên tai nhân họa sẽ không còn có nơi quyền gì với loài người nữa.

Một cổ sồi đình, một mạng người. -- Làng Mán-trung, phủ Đông-sơn, tỉnh Thanh-hóa. tối 30 tết đã diễn ra một cuộc huyết chiến chết người ở đình chỉ vì một cổ sồi thờ thần. Nguyên nhân cuộc huyết chiến ấy, do ông Nải trong làng phải thờ sồi thờ thần ngày tết, nhưng ông Nải chết, vì thế chưa có ai thay. Tối 30 tết dân làng họp tại nhà (miếu) cùng cất anh Điền là người đến vai thay ông Nải mà thờ sồi thờ tết. Trong bọn đàn anh có ông Từ là Trùm-trưởng nói nhiều lời ép anh Điền. Anh Điền với mấy tên nữa là Xuyên. Nhấn, Đương vốn thù ông Trùm Từ từ hồi thu thuế, chúng bèn giúp anh Điền cỡi cọ với ông Trùm rồi quay ra đầu đàn, chúng đánh ông Trùm vỡ đầu xẻ tai, khiêng về nhà thì chết. Coi đó ta thấy cái vạ thọt sồi ở đình trung đến nay vẫn chưa hết. Cái vạ sồi thọt ấy nó mượn tiếng quỉ-thần mà chối buộc người làng, làm cho trong làng dúng lẽ là nơi quần tụ để tương tư tương bảo lẫn nhau mà thành ra nơi quần tụ để hại nhau, thù nhau, giết nhau. Xét ra cũng chỉ vì cái gốc tin điều của sự thờ thần bằng sồi thọt, là một tín điều thô bỉ, các gốc hợp hoan trong làng, lấy vị tuổi phân ngôi thứ là một cách bất bình-dẳng mà gây

nên cả. Chúng tôi mong ngày nay gặp buổi văn minh, các làng học đạo Phật nên bỏ cái lễ sôi thịt thờ thần và cái lệ lấy tước, vị phân ngôi thứ đi, thì trong mỗi làng mới có cơ hòa vui, cùng nhau mưu cuộc thịnh-vượng được.

TIN THẾ - GIỚI

Việc bên Pháp. — Về tài chính bên Pháp, gần đây giá đồng phật láng đang bị lung lay, về ngoại giao thì mấy nước hữu bang ở Đông-âu Lỗ-mã-ni, Nam-tu-lạp đều muốn kết giao với Đức với Úc. Do hai cái tình hình gian nan ấy mà dân Pháp đã kịp bỏ mối hiềm nghi về đảng phái để chung lo việc nước. Nhất là Hạ-ngự-viện đã chuẩn y bản dự án về luật lao-động, do Nội các Chautemps thảo ra, điều hòa quyền lợi cho cả chủ với thợ. Như cho thợ mỗi năm mấy ngày nghỉ được cả lương, và vô luận công-sở tư sở, người làm việc lâu năm đến lúc già yếu, sở phải cấp dưỡng, kể vì việc của sở mà bị bệnh tật, sở phải thuốc thang nuôi nấng. Luật ấy sẽ thi hành cho cả xứ Đông-dương. Thực là một tinh-thần nhân đạo.

Việc nội chiến ở Tây-ban nha. — Ở Tây-ban-nha cuộc nội chiến gần một tháng nay tại vùng Turuel, hai quân Phát-xít với Bình-dân giao chiến càng khốc liệt. Quân Phát-xít đồng thời lại bắn trái phá vào thành Barcetore, giết chết 155 người, trong có 77 đứa trẻ con và 37 người đàn bà. Còn hàng trăm người bị thương và hơn 30 nếp nhà bị phá. Dur luận ở Luân-đôn là kinh đô Anh, đối với việc này rất sôi nổi, cho là cuộc chiến tranh rất tàn ác. Nhưng xem ra người Anh là một dân tộc thế lực và đúng đắn ở Âu-châu bấy nay, thế mà cũng không đủ sức làm đình-chỉ hẳn được cuộc nội chiến ấy. Kể cục người Anh định hô hào để điều đình cho hai bên có chiến tranh thì chiến tranh một cách « nhân đạo » hơn mà thôi.

Giặc tàu ngầm ở Địa-trung hải. — Tại mặt bể Địa-trung-hải từ gần đây thường có cái tàu ngầm, không biết của nước nào, bắt thỉnh lình nổi lên đánh phá tàu

buôn cá: nước. Mới đây chiếc tàu buôn của Anh là « Endymion » lại bị một chiếc tàu ngầm đánh phá. Người ta gọi là « Giặc tàu ngầm ». Việc này có quan ngại đến lợi quyền hai nước Anh, Pháp ở Đông dương, nên ông Albert Sarraut Tổng-trưởng Nội vụ Pháp đã xin nghị-viễn liên lạc với Anh về việc phòng-bị này.

Cuộc Trung-Nhật giao chiến. -- Từ sau khi bị mất Nam-kinh, Chính-phủ Tàu thiên-dô đi Trùng-khán, tỉnh Tứ-xuyên, nhưng vì nơi ấy xa cách với Trung-châu, giao thông bất tiện, nên bỏ chiến-tranh và bộ ngoại-giao lại đặt tại Phổ khẩu. Trong chính-dồn quân cơ, ngoài nhờ các cường-quốc Âu Mỹ tư cấp binh khí. Thanh thế quân Tàu đã có khởi sắc. Thế mà tuần trước Thanh-đảo Tể-nam thất thủ, độ này An-huy bị thua, Bang-phụ là một thành trọng-yếu về quân-sự giữa Thiên-tân Phổ-khẩu lại mới lạc về tay giặc. Mồng 4 Février 1918 có tin Quảng-đông đã thiết quân luật, hạ lệnh cho tàu ngoại-quốc dời đi nơi khác, vì người ta thấy Nhật sắp phong tỏa mặt bể Tàu về miền nam. Các ô-tô qua lại trong thành phố Quảng-đông bị khám xét rất ngặt. Người ta lo sợ nhất là bọn Hán-gian lọt vào làm nội phản giúp cho Nhật. Xưa nay vong quốc cũng nhiều, nhưng ở Trung-quốc hồi này, sao mà lắm Hán-gian như thế. Giết mãi không đủ, nước mất, và một phần lớn là tự Hán-gian. Ôi nhục biết dường nào ! Ông Mạnh-tử nói: « Trong nước mình có tự đánh mình thì rồi người ta mới đánh ». Luận về thành Xa-vê thành cao hào sâu, binh tinh thực túc, Đức Thê-tôn Ngài thêm cho một lời trâm ngôn rằng : « Nhưng người trong thành họ có dừng tự hủy đi thì mới được ». Coi đó biết rằng Phật Thánh không phải không trọng vật chất, nhưng nhân tâm có cố kết thì có vật chất tất mới xử dụng được. Nay bọn Hán-gian của Trung-quốc đang như thế, thực là một cái nguy-cơ cho tổ quốc đang khi bị cường lân xâm chiếm vạn tử nhất sinh.

TIN CÁC HỘI - VIÊN QUÁ CỐ

Cụ Kiều thị Lành, ở 74 Rue Strabourg, Haiphong tạ thế ngày 22-10-37.

Cụ Vũ thị Sau, ở 23 ngõ Đào-ký, Haiphong tạ thế ngày 2-10-37.

Cụ Hoàng thị Lan, ở 109 Quai Canton, Haiphong tạ thế ngày 31-10-37.

Cụ Nguyễn qui Phàn, ở 28 ngõ Khang-ninh-Lý, tạ thế ngày 4-10-37.

Sư cụ Tự thanh Kế, chủ trì chùa xã Đông-cầu, huyện Văn-Lâm, Hưng-yên, tạ thế ngày 23-1-38.

Cụ Vũ văn Đang, ở phố chợ Kiển-an, tỉnh Kiển-an, tạ thế ngày 20-10-37.

Cụ Phạm-thị-Tin, ở phố Khách, tỉnh Kiển-an tạ thế ngày. 23-10-37.

Cụ Nguyễn-thị-Tinh, ở ngõ chùa Lũng-tiền Kiển-an, tạ thế ngày 25-10-37.

Cụ Trần văn Cầu, chủ làng Cam-lộ, huyện An-dương, Kiển-an tạ thế ngày 26-9-37.

Cụ Nguyễn thị Nhữ, ở chi hội Bách-lộc (Sơn-tây) tạ thế ngày 12-1-38.

Cụ Nguyễn thị Téo, ở chi hội Anh quang tự (Nam-định) tạ thế ngày 14-1-38.

Cụ Trần thị Bé, ở 4 phố Pasquier Haidương, tạ thế ngày mồng 2, tháng một, năm Đinh-sửu.

Cụ Đỗ văn Tồn, ở chi Văn-lâm, tạ thế 11-11-37.

Cụ Nguyễn ngọc Quán, ở chi hội Văn-lâm tạ thế 1-3-37.

Cụ Vũ văn Quất, ở chi Văn-lâm tạ thế tháng Jain 1937.

Cụ Nguyễn ngọc San, ở chi Văn-lâm tạ thế 8-7-37.

Cụ Đỗ thị Hoan, ở chi Văn-lâm tạ thế 7-9-37.

Cụ Nguyễn thị Nhiều, ở chi Văn-lâm tạ thế 8-8-37

Cụ Cao thị Sự, ở chi Văn-lâm tạ thế 6-8-37.

Cụ Phạm thị Bùi, ở chi Văn-lâm tạ thế 1-11-37.

HỘP THƠ

(Các vị đã trả tiền báo Đuốc-Tuệ bằng mandat)

M. M. Chấn vinh, Thanhhoa	2\$50
Đào văn Bút, Sơn tây	1 50
Lai Hộ, Chiab Kên, Ngo, Chiab-Kiên, Chỉnh Hiệp, Tư Hoành, Ba Huệ, và Hai bàng à Caitanha	7.50
Lê danh Tự, Namdinh	1.50
Nguyễn công Ngọ, Mytho	1.50
Nguyễn văn Biều, Phompenh	2.00
Nguyễn đình Chí, Thái bình	1.00
Nguyễn văn Hữu, Kiến an	3.20
Trần mạnh Nhân, Bà Sáo, Vũ văn Mãi, Nhâm văn Phụng, Nguyễn thanh Cầu và Bùi văn Đàn à Haiphong	5.88
Trương đình Chuân, Lagi (annam)	0.70
Đỗ văn Chính, Hải dương	1.00
Nguyễn văn Mão, Hải dương	2.00
Trần thị Lan, Hải dương	1.00
Nguyễn văn Hồng, Hải dương	1.00
Vũ văn Kiên, Hải dương	1.00
Ngô vi Bách, Bắc giang	1.50
Lê đình Trạc, Haiphong	1.50
Lý lục Nam, Bắc giang	1.50

MANDAT CỦA AI ?

Bản báo nhận được những mandat sau này :

1. — N. Série 020.920, N. mandat 083 (Baixau)
2. — » 021.572, » 120 (Cao lanh)
3. — » 021.420, » 057 (Phong thanh)
4. — » 023 171, » 184 (Yên báy)

Lại một cái mandat 1\$00 đề: Thi-Tuệ, ở Ninh bình, cũng không được rõ ràng nên không biết của ai ?

Vậy các quý độc-giả nào gửi những mandat trên này, xin làm ơn gửi cho cái băng (bande) mà bản-báo vẫn gửi báo cho quý-vị, để tiện việc sổ sách. Đ. T.